

Số trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
2	1	101	Thi lại HP	CNTT	.	.	.	.	.	.	.
2	1	103	LT cho thiết bị di động	524100VN	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông	.	.
2	1	203	Kỹ thuật VXL và ghép nối	523121A	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật	.	.
2	1	206	Vật liệu kỹ thuật	524122	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật	.	.
2	1	207	Ngôn ngữ lập trình C++	524121B	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	Công nghệ Kỹ thuật	.	.
2	1	306	Photoshop	7253201B03	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông	.	.
2	1	403	Thi lại HP	CNTT	.	.	.	.	.	.	.
2	1	404	Tiếng Anh GE4	524111+116	.	ThS	Đinh Thị Thanh Tâm	0976740617	Kiến trúc	.	.
2	1	406	Kinh tế vĩ mô	524108A	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông	.	.
2	1	506	Thi lại HP	CNTT	.	.	.	.	.	.	.
2	1	507	Thi lại HP	CNTT	.	.	.	.	.	.	.
2	1	601V	Kinh tế chính trị	7253201B06	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0986245161	CN số và Truyền thông	.	.
2	1	602V	Đồ án KTDD 3	524110	.	TS	Hồ Hải Nam	0936345509	Kiến trúc	.	.
2	1	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B05	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông	.	.
2	1	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B05	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông	.	.
2	1	pm301	Công nghệ Java	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Đoàn Trang	0913536511	CN số và Truyền thông	.	.
2	2	101	Thi lại HP	CNTT	.	.	.	.	.	.	.
2	2	103	LT cho thiết bị di động	524100VN	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông	.	.
2	2	203	Kỹ thuật VXL và ghép nối	523121A	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật	.	.
2	2	206	Vật liệu kỹ thuật	524122	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật	.	.
2	2	207	Ngôn ngữ lập trình C++	524121B	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	Công nghệ Kỹ thuật	.	.
2	2	304	Học bù	523108A	.	.	.	.	CN số và Truyền thông	.	.
2	2	306	Photoshop	7253201B03	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông	.	.
2	2	403	Thi lại HP	CNTT	.	.	.	.	.	.	.
2	2	404	Tiếng Anh GE4	524111+116	.	ThS	Đinh Thị Thanh Tâm	0976740617	Kiến trúc	.	.
2	2	405	Cơ sở kỹ thuật lập trình	524108B	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông	.	.
2	2	406	Kinh tế vĩ mô	524108A	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông	.	.
2	2	502	Quản lý dự án phần mềm	523100C	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông	.	.
2	2	506	Thi lại HP	CNTT	.	.	.	.	.	.	.

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
2	2	507	Thi lại HP	CNTT	.		.	.			
2	2	601V	Kinh tế chính trị	7253201B06	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0986245161	CN số và Truyền thông		
2	2	602V	Đồ án KTDD 3	524110	.	TS	Hồ Hải Nam	0936345509	Kiến trúc		
2	2	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B05	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
2	2	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B05	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
2	2	pm301	Công nghệ Java	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Đoan Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		
2	3	103	Tiếng Nhật 4	524100VN	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
2	3	203	Điện tử công suất	523121A	.	ThS	Đặng Thị Ngọc Lan	0384463866	Công nghệ Kỹ thuật		
2	3	204	Ngôn ngữ lập trình C++	524121A	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	Công nghệ Kỹ thuật		
2	3	206	Khí cụ điện	524122	.	TS	Triệu Việt Linh	0904449440	Công nghệ Kỹ thuật		
2	3	207	Kỹ thuật điện tử tương tự	524121B	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
2	3	303	Toán cao cấp	7253402B02	.	PGS.TS	Ninh Quang Hải	0912379475	CN số và Truyền thông		
2	3	304	Học bù	523108A	.		.	.	CN số và Truyền thông		
2	3	404	Cấu tạo kiến trúc	524116	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
2	3	405	Cơ sở kỹ thuật lập trình	524108B	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
2	3	406	Kinh tế vĩ mô	524108A	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông		
2	3	502	Quản lý dự án phần mềm	523100C	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
2	3	503	Cấu trúc DL và giải thuật	524107E	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
2	3	504	Quản lý dự án	522111	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
2	3	505	Định giá BĐS	522116	.	PGS	Đinh Đăng Quang	0913574497	Kiến trúc		
2	3	601V	Kinh tế chính trị	7253201B05	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0986245161	CN số và Truyền thông		
2	3	602V	Đồ án KTDD 3	524110	.	TS	Hồ Hải Nam	0936345509	Kiến trúc		
2	3	B01	Workshop 1	522110	.	ThS	Hồ Hải NamĐinh Côn	0936345509	Kiến trúc		
2	3	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B06	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
2	3	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B06	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
2	3	B07	Vật liệu xây dựng	524111	.	ThS	Nguyễn Ngọc Long	0983925682	Kiến trúc		
2	3	B08	Quản trị quan hệ khách hà	522107C	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0936207879	CN số và Truyền thông		
2	3	HTL1	Photoshop	7253201B04	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông		
2	3	pm301	Công nghệ Java	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Đoan Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
2	4	103	Tiếng Nhật 4	524100VN	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
2	4	203	Điện tử công suất	523121A	.	ThS	Đặng Thị Ngọc Lan	0384463866	Công nghệ Kỹ thuật		
2	4	204	Ngôn ngữ lập trình C++	524121A	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	Công nghệ Kỹ thuật		
2	4	206	Khí cụ điện	524122	.	TS	Triệu Việt Linh	0904449440	Công nghệ Kỹ thuật		
2	4	207	Kỹ thuật điện tử tương tự	524121B	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
2	4	303	Toán cao cấp	7253402B02	.	PGS.TS	Ninh Quang Hải	0912379475	CN số và Truyền thông		
2	4	304	Học bù	523108B	.		.	.	CN số và Truyền thông		
2	4	305	Tiếng Anh GE4	524110	.	ThS	Đinh Thị Thanh Tâm	0976740617	Kiến trúc		
2	4	404	Cấu tạo kiến trúc	524116	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
2	4	405	Kinh tế vĩ mô	524108B	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông		
2	4	406	Cơ sở kỹ thuật lập trình	524108A	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
2	4	501	Quản lý dự án phần mềm	523100B	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
2	4	503	Cấu trúc DL và giải thuật	524107E	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
2	4	504	Quản lý dự án	522111	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
2	4	505	Định giá BĐS	522116	.	PGS	Đinh Đăng Quang	0913574497	Kiến trúc		
2	4	601V	Kinh tế chính trị	7253201B05	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0986245161	CN số và Truyền thông		
2	4	B01	Workshop 1	522110	.	ThS	Hồ Hải NamĐinh Côn	0936345509	Kiến trúc		
2	4	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B06	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
2	4	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B06	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
2	4	B07	Vật liệu xây dựng	524111	.	ThS	Nguyễn Ngọc Long	0983925682	Kiến trúc		
2	4	B08	Quản trị quan hệ khách hà	522107C	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0936207879	CN số và Truyền thông		
2	4	HTL1	Photoshop	7253201B04	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông		
2	4	pm301	Công nghệ Java	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Đoan Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		
2	5	103	Tiếng Nhật 4	524100VN	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
2	5	203	Điện tử công suất	523121A	.	ThS	Đặng Thị Ngọc Lan	0384463866	Công nghệ Kỹ thuật		
2	5	204	Ngôn ngữ lập trình C++	524121A	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	Công nghệ Kỹ thuật		
2	5	206	Khí cụ điện	524122	.	TS	Triệu Việt Linh	0904449440	Công nghệ Kỹ thuật		
2	5	207	Kỹ thuật điện tử tương tự	524121B	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
2	5	303	Toán cao cấp	7253402B02	.	PGS.TS	Ninh Quang Hải	0912379475	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày: 02/02/2026 Đến 08/02/2026

- Cán bộ: **Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..** **- Cán bộ:** **-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..**

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
2	5	304	Học bù	523108B	.	.	.	.	CN số và Truyền thông		
2	5	305	Tiếng Anh GE4	524110	.	ThS	Đinh Thị Thanh Tâm	0976740617	Kiến trúc		
2	5	404	Cấu tạo kiến trúc	524116	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
2	5	405	Kinh tế vĩ mô	524108B	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông		
2	5	406	Cơ sở kỹ thuật lập trình	524108A	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
2	5	501	Quản lý dự án phần mềm	523100B	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
2	5	503	Cấu trúc DL và giải thuật	524107E	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
2	5	504	Quản lý dự án	522111	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
2	5	505	Định giá BĐS	522116	.	PGS	Đinh Đăng Quang	0913574497	Kiến trúc		
2	5	B01	Workshop 1	522110	.	ThS	Hồ Hải NamĐinh Côn	0936345509	Kiến trúc		
2	5	B07	Vật liệu xây dựng	524111	.	ThS	Nguyễn Ngọc Long	0983925682	Kiến trúc		
2	5	B08	Quản trị quan hệ khách hà	522107C	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0936207879	CN số và Truyền thông		
2	5	pm301	Công nghệ Java	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Đoan Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		
2	6	103	Tiếng Nhật 6	523100D	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
2	6	203	Điện tử công suất	523121B+122	.	ThS	Đặng Thị Ngọc Lan	0384463866	Công nghệ Kỹ thuật		
2	6	204	Cơ khí đại cương	7255101A01	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật		
2	6	206	Kinh tế XD	HL KTXD	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
2	6	207	Tiếng Anh GE2	7255102B01	1	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
2	6	303	Tiếng Anh GE2	7255801B11	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	Kiến trúc công trình		
2	6	306	Kinh tế vi mô	7253402B03	.	TS	Nguyễn Công Dũng	0936405889	CN số và Truyền thông		
2	6	403	Thi lại HP	CNTT	.	.	.	.			
2	6	404	Kinh tế vĩ mô	524108C	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông		
2	6	406	Cấu trúc DL và giải thuật	524107C	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
2	6	501	Kiểm chứng phần mềm	523100A	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
2	6	502	TK giao diện Website	524107B	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
2	6	503	Kinh tế chính trị	7253201B01	.	ThS	Trịnh Huy Hồng	0967488099	CN số và Truyền thông		
2	6	504	Kết cấu thép 1	523111	.	ThS	Trần Văn Cường	0976948995	Kiến trúc		
2	6	505	Công nghệ Java	524100B	.	ThS	Nguyễn Thị Đoan Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		
2	6	506	Toán rời rạc	7254801B01	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
2	6	507	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền	0988766299	CN số và Truyền thông		
2	6	601V	Thông kê trong QTKD	523108D	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		
2	6	B01	Autocad	7255802B01	.	ThS	Phạm Ngọc Tráng	0982475199	Kiến trúc công trình		
2	6	B02	Tiếng Anh GE2	7255102B01	2	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
2	6	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B11	.	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến	0941190381	CN số và Truyền thông		
2	6	B08	Truyền thông Internet	522107A+B	.	ThS	Võ Văn Hưng	0982516530	CN số và Truyền thông		
2	6	pm201	Tin ứng dụng	7253201B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
2	6	pm202	Tin ứng dụng	7253201B04	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
2	6	pm302	Thực tập kỹ thuật	522121	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
2	7	103	Tiếng Nhật 6	523100D	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
2	7	203	Điện tử công suất	523121B+122	.	ThS	Đặng Thị Ngọc Lan	0384463866	Công nghệ Kỹ thuật		
2	7	204	Cơ khí đại cương	7255101A01	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật		
2	7	206	Kinh tế XD	HL KTXD	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
2	7	207	Tiếng Anh GE2	7255102B01	1	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
2	7	303	Tiếng Anh GE2	7255801B11	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	Kiến trúc công trình		
2	7	304	Kỹ năng lập KH&TC côn	7254801B02	.	ThS	Dương Thị Thúy Hà	0988272778	CN số và Truyền thông		
2	7	305	Thông kê doanh nghiệp X	523116	.	ThS	Thiều Thị Thanh Thúy	0988668631	Kiến trúc		
2	7	306	Kinh tế vi mô	7253402B03	.	TS	Nguyễn Công Dũng	0936405889	CN số và Truyền thông		
2	7	403	Thi lại HP	CNTT	.	.	.	.			
2	7	404	Kinh tế vĩ mô	524108C	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông		
2	7	406	Cấu trúc DL và giải thuật	524107C	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
2	7	501	Kiểm chứng phần mềm	523100A	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
2	7	502	TK giao diện Website	524107B	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
2	7	503	Kinh tế chính trị	7253201B01	.	ThS	Trịnh Huy Hồng	0967488099	CN số và Truyền thông		
2	7	504	Kết cấu thép 1	523111	.	ThS	Trần Văn Cường	0976948995	Kiến trúc		
2	7	505	Công nghệ Java	524100B	.	ThS	Nguyễn Thị Đoan Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		
2	7	506	Toán rời rạc	7254801B01	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		
2	7	507	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền	0988766299	CN số và Truyền thông		
2	7	601V	Thông kê trong QTKD	523108D	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
2	7	B01	Autocad	7255802B01	.	ThS	Phạm Ngọc Tráng	0982475199	Kiến trúc công trình		
2	7	B02	Tiếng Anh GE2	7255102B01	2	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
2	7	B03	Tiếng Anh GE4	524107A	1	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễn	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
2	7	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B11	.	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến	0941190381	CN số và Truyền thông		
2	7	B08	Truyền thông Internet	522107A+B	.	ThS	Võ Văn Hưng	0982516530	CN số và Truyền thông		
2	7	HTL1	Học bù	7253201B05	.		.	.	CN số và Truyền thông		
2	7	pm201	Tin ứng dụng	7253201B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
2	7	pm202	Tin ứng dụng	7253201B04	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
2	7	pm302	Thực tập kỹ thuật	522121	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
2	8	101	Kinh tế chính trị	7253201B02	.	ThS	Trịnh Huy Hồng	0967488099	CN số và Truyền thông		
2	8	103	Tiếng Nhật 6	523100D	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
2	8	203	Điện tử công suất	523121B+122	.	ThS	Đặng Thị Ngọc Lan	0384463866	Công nghệ Kỹ thuật		
2	8	204	Tiếng Anh GE2	7255101A01	1	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
2	8	206	Kinh tế XD	HL KTXD	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
2	8	207	Cơ khí đại cương	7255102B01	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật		
2	8	303	Tiếng Anh GE2	7255801B01	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	Kiến trúc công trình		
2	8	304	Kỹ năng lập KH&TC côn	7254801B02	.	ThS	Dương Thị Thúy Hà	0988272778	CN số và Truyền thông		
2	8	305	Thống kê doanh nghiệp X	523116	.	ThS	Thiều Thị Thanh Thúy	0988668631	Kiến trúc		
2	8	306	Kinh tế vi mô	7253402B03	.	TS	Nguyễn Công Dũng	0936405889	CN số và Truyền thông		
2	8	404	Cơ sở kỹ thuật lập trình	524108C	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
2	8	406	Cấu trúc DL và giải thuật	524107C	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
2	8	501	TK và XD phần mềm	523100A	.	ThS	Bùi Thị Thanh	0984568781	CN số và Truyền thông		
2	8	502	TK giao diện Website	524107B	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
2	8	504	Kết cấu thép 1	523111	.	ThS	Trần Văn Cường	0976948995	Kiến trúc		
2	8	505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524100B	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền	0988766299	CN số và Truyền thông		
2	8	506	Toán rời rạc	7254801B01	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		
2	8	507	Công nghệ Java	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Đoan Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		
2	8	601V	Thống kê trong QTKD	523108D	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		
2	8	B01	Autocad	7255802B01	.	ThS	Phạm Ngọc Tráng	0982475199	Kiến trúc công trình		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
2	8	B02	Tiếng Anh GE2	7255101A01	2	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
2	8	B03	Tiếng Anh GE4	524107A	1	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễn	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
2	8	B06	Tiếng Nhật 2	7254801B11	.		Nix		CN số và Truyền thông		
2	8	B08	Truyền thông Internet	522107A+B	.	ThS	Võ Văn Hưng	0982516530	CN số và Truyền thông		
2	8	HTL1	Học bù	7253201B05	.		.	.	CN số và Truyền thông		
2	8	pm201	Tin ứng dụng	7253201B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
2	8	pm202	Tin ứng dụng	7253201B04	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
2	8	pm302	Thực tập kỹ thuật	522121	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
2	9	101	Kinh tế chính trị	7253201B02	.	ThS	Trịnh Huy Hồng	0967488099	CN số và Truyền thông		
2	9	103	Công nghệ ASP.Net	523100D	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
2	9	203	Lý thuyết ĐK tự động 2	523121B	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
2	9	204	Tiếng Anh GE2	7255101A01	1	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
2	9	206	Kinh tế XD	HL KTXD	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
2	9	207	Cơ khí đại cương	7255102B01	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật		
2	9	303	Tiếng Anh GE2	7255801B01	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	Kiến trúc công trình		
2	9	305	ĐA kinh tế đầu tư	523116	1	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
2	9	404	Cơ sở kỹ thuật lập trình	524108C	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
2	9	406	Toán cao cấp A2	7253402B11	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		
2	9	501	TK và XD phần mềm	523100A	.	ThS	Bùi Thị Thanh	0984568781	CN số và Truyền thông		
2	9	505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524100B	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền	0988766299	CN số và Truyền thông		
2	9	506	Kỹ năng lập KH&TC côn	7254801B01	.	ThS	Dương Thị Thúy Hà	0988272778	CN số và Truyền thông		
2	9	507	Công nghệ Java	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Đoàn Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		
2	9	602V	Đồ án QH1	523110	.	ThS	Lê Quang Dũng	0961355999	Kiến trúc		
2	9	B01	Tiếng Anh GE2	802B01+725580	.	ThS	Vũ Thanh Vân	0912158390	Kiến trúc công trình		
2	9	B02	Tiếng Anh GE2	7255101A01	2	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
2	9	B03	Tiếng Anh GE4	524107B	1	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễn	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
2	9	B06	Tiếng Nhật 2	7254801B11	.		Nix		CN số và Truyền thông		
2	9	HTL1	Học bù	7253201B06	.		.	.	CN số và Truyền thông		
2	9	pm201	Tin ứng dụng	7253201B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày: 02/02/2026 Đến 08/02/2026

- Cán bộ: **Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..** **- Cán bộ:** **-Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..**

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
2	9	pm202	Tin ứng dụng	7253201B04	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
2	9	pm302	Thực tập kỹ thuật	522121	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
2	10	103	Công nghệ ASP.Net	523100D	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
2	10	203	Lý thuyết ĐK tự động 2	523121B	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
2	10	206	Lý thuyết ĐK tự động 2	523121B	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
2	10	305	ĐA kinh tế đầu tư	523116	1	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
2	10	406	Toán cao cấp A2	7253402B11	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		
2	10	501	TK và XD phần mềm	523100A	.	ThS	Bùi Thị Thanh	0984568781	CN số và Truyền thông		
2	10	506	Kỹ năng lập KH&TC côn	7254801B01	.	ThS	Dương Thị Thúy Hà	0988272778	CN số và Truyền thông		
2	10	507	Công nghệ Java	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Đoàn Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		
2	10	602V	Đồ án QH1	523110	.	ThS	Lê Quang Dũng	0961355999	Kiến trúc		
2	10	B01	Tiếng Anh GE2	302B01+725580	.	ThS	Vũ Thanh Vân	0912158390	Kiến trúc công trình		
2	10	B03	Tiếng Anh GE4	524107B	1	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễn	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
2	10	B06	Tiếng Nhật 2	7254801B11	.		Nix		CN số và Truyền thông		
2	10	HTL1	Học bù	7253201B06	.		.	.	CN số và Truyền thông		
2	10	pm202	Tin ứng dụng	7253201B04	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
3	1	101	TK và XD phần mềm	523107A	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	CN số và Truyền thông		
3	1	103	Tiếng Anh GE4	524100VN	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Hoa	0981956135	CN số và Truyền thông		
3	1	203	Mạng truyền thông CN&S	522121	.	TS	Phạm Thị Lý	0987934026	Công nghệ Kỹ thuật		
3	1	204	Tiếng Anh GE4	524121A	.	ThS	Hoàng Thanh Thơ	0858103900	Công nghệ Kỹ thuật		
3	1	206	Tiếng Anh GE4	524122	.	ThS	Trần Thị Thanh Ngát	0976262402	Công nghệ Kỹ thuật		
3	1	207	Kỹ thuật điện (LT mạch)	524121B	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
3	1	303	Kinh tế vi mô	7253402B02	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông		
3	1	403	Lý thuyết truyền thông	7253201B21	.	ThS	Trần Thanh Huyền	0969269506	CN số và Truyền thông		
3	1	406	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524108B	.	ThS	Trần Thị Mai Thanh	0912466386	CN số và Truyền thông		
3	1	505	ĐA định giá trong XD	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
3	1	506	Kiểm chứng phần mềm	523100B	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
3	1	601V	Photoshop	7253201B06	.	ThS	Nguyễn Hồng Nhung	0914382249	CN số và Truyền thông		
3	1	B01	Tiếng Anh GE4	524108A	1	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
3	1	B02	Tiếng Anh GE2	7253402B01	1	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
3	1	B03	Tiếng Anh GE4	524107D	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
3	1	B05	Tiếng Anh GE4	524107D	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
3	1	B06	Tiếng Anh GE2	7253402B01	2	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
3	1	B07	Tiếng Anh GE4	524108A	2	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
3	1	B08	Hình họa cơ bản	7253201B11	.	ThS	Lưu Thanh Lan	0913021575	CN số và Truyền thông		
3	1	HTL2	Học bù	523107B	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	2	101	TK và XD phần mềm	523107A	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	CN số và Truyền thông		
3	2	103	Tiếng Anh GE4	524100VN	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Hoa	0981956135	CN số và Truyền thông		
3	2	203	Mạng truyền thông CN&S	522121	.	TS	Phạm Thị Lý	0987934026	Công nghệ Kỹ thuật		
3	2	204	Tiếng Anh GE4	524121A	.	ThS	Hoàng Thanh Thơ	0858103900	Công nghệ Kỹ thuật		
3	2	206	Tiếng Anh GE4	524122	.	ThS	Trần Thị Thanh Ngát	0976262402	Công nghệ Kỹ thuật		
3	2	207	Kỹ thuật điện (LT mạch)	524121B	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
3	2	303	Kinh tế vi mô	7253402B02	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông		
3	2	304	Thiết kế đô thị	522110	.	ThS	Lê Minh Ánh	0904198209	Kiến trúc		
3	2	305	Thủy lực đại cương	524111	.	ThS	Trần Mạnh Phong	0961397557	Kiến trúc		
3	2	306	Tâm lý học truyền thông	7253201B03	.	ThS	Phạm Thắm Quỳnh Anh	0346944369	CN số và Truyền thông		
3	2	403	Lý thuyết truyền thông	7253201B21	.	ThS	Trần Thanh Huyền	0969269506	CN số và Truyền thông		
3	2	404	Vật liệu xây dựng	524116	.	ThS	Nguyễn Ngọc Long	0983925682	Kiến trúc		
3	2	406	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524108B	.	ThS	Trần Thị Mai Thanh	0912466386	CN số và Truyền thông		
3	2	501	Tối ưu hóa công cụ tìm ki	523108B	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
3	2	502	Thanh toán điện tử	523108A	.	ThS	Lê Văn Chiến	0984033076	CN số và Truyền thông		
3	2	503	Kinh tế chính trị	7253201B04	.	ThS	Phạm Thị Phương Mai	0962180383	CN số và Truyền thông		
3	2	504	Tổ chức sản xuất XD	522111	.	TS	Tạ Văn Phần	0989329846	Kiến trúc		
3	2	505	ĐA định giá trong XD	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
3	2	506	Kiểm chứng phần mềm	523100B	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
3	2	601V	Photoshop	7253201B06	.	ThS	Nguyễn Hồng Nhung	0914382249	CN số và Truyền thông		
3	2	B01	Tiếng Anh GE4	524108A	1	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
3	2	B02	Tiếng Anh GE2	7253402B01	1	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
3	2	B03	Tiếng Anh GE4	524107D	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
3	2	B05	Tiếng Anh GE4	524107D	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
3	2	B06	Tiếng Anh GE2	7253402B01	2	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
3	2	B07	Tiếng Anh GE4	524108A	2	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
3	2	B08	Hình họa cơ bản	7253201B11	.	ThS	Lưu Thanh Lan	0913021575	CN số và Truyền thông		
3	2	B09	Học bù	7254801B01	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	2	HTL2	Học bù	523107B	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	3	101	TK và XD phần mềm	523107A	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	CN số và Truyền thông		
3	3	103	Tiếng Anh GE4	524121B	2	ThS	Hoàng Thanh Thơ - Trần	0858103900 - '09	Công nghệ Kỹ thuật		
3	3	203	Tự động hóa QTCN	522121	.	TS	Phạm Thị Lý	0987934026	Công nghệ Kỹ thuật		
3	3	204	Kỹ thuật điện (LT mạch)	524121A	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
3	3	206	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524122	.	TS	Trần Thị Mai Thanh	0912466386	Công nghệ Kỹ thuật		
3	3	207	Tiếng Anh GE4	524121B	1	ThS	Hoàng Thanh Thơ - Trần	0858103900 - '09	Công nghệ Kỹ thuật		
3	3	303	Kinh tế vi mô	7253402B01	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông		
3	3	304	Thiết kế đô thị	522110	.	ThS	Lê Minh Ánh	0904198209	Kiến trúc		
3	3	305	Thủy lực đại cương	524111	.	ThS	Trần Mạnh Phong	0961397557	Kiến trúc		
3	3	306	Tâm lý học truyền thông	7253201B03	.	ThS	Phạm Thắm Quỳnh Anh	0346944369	CN số và Truyền thông		
3	3	403	Lý thuyết truyền thông	7253201B21	.	ThS	Trần Thanh Huyền	0969269506	CN số và Truyền thông		
3	3	404	Vật liệu xây dựng	524116	.	ThS	Nguyễn Ngọc Long	0983925682	Kiến trúc		
3	3	405	Cơ sở dữ liệu	524107D	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
3	3	406	TK giao diện Website	524108A	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
3	3	501	Tối ưu hóa công cụ tìm ki	523108B	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
3	3	502	Thanh toán điện tử	523108A	.	ThS	Lê Văn Chiến	0984033076	CN số và Truyền thông		
3	3	503	Kinh tế chính trị	7253201B04	.	ThS	Phạm Thị Phương Mai	0962180383	CN số và Truyền thông		
3	3	504	Tổ chức sản xuất XD	522111	.	TS	Tạ Văn Phần	0989329846	Kiến trúc		
3	3	505	Quản lý dự án	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
3	3	506	TK và XD phần mềm	523100B	.	ThS	Bùi Thị Thanh	0984568781	CN số và Truyền thông		
3	3	B01	Tiếng Anh GE4	524108B	1	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
3	3	B02	Tiếng Anh GE2	7253402B02	1	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
3	3	B03	Tiếng Anh GE4	524107E	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
3	3	B05	Tiếng Anh GE4	524107E	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
3	3	B06	Tiếng Anh GE2	7253402B02	2	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
3	3	B07	Tiếng Anh GE4	524108B	2	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
3	3	B09	Học bù	7254801B01	.	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
3	3	HTL1	Photoshop	7253201B05	.	ThS	Nguyễn Hồng Nhung	0914382249	CN số và Truyền thông		
3	4	101	TTHCM	523107A	.	ThS	Nguyễn Thúy Thanh	0983970376	CN số và Truyền thông		
3	4	103	Tiếng Anh GE4	524121B	2	ThS	Hoàng Thanh Thơ - Trần	0858103900 - '09	Công nghệ Kỹ thuật		
3	4	203	Tự động hóa QTCN	522121	.	TS	Phạm Thị Lý	0987934026	Công nghệ Kỹ thuật		
3	4	204	Kỹ thuật điện (LT mạch)	524121A	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
3	4	206	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524122	.	TS	Trần Thị Mai Thanh	0912466386	Công nghệ Kỹ thuật		
3	4	207	Tiếng Anh GE4	524121B	1	ThS	Hoàng Thanh Thơ - Trần	0858103900 - '09	Công nghệ Kỹ thuật		
3	4	303	Kinh tế vi mô	7253402B01	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông		
3	4	304	Thiết kế đô thị	522110	.	ThS	Lê Minh Ánh	0904198209	Kiến trúc		
3	4	305	Cơ học kết cấu 1	524111	.	ThS	Vũ Chung Hiếu	0985224885	Kiến trúc		
3	4	306	Kinh tế chính trị	7253201B03	.	ThS	Phạm Thị Phương Mai	0962180383	CN số và Truyền thông		
3	4	403	Tiếng Anh GE2	7253201B21	1	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
3	4	404	Vật liệu xây dựng	524116	.	ThS	Nguyễn Ngọc Long	0983925682	Kiến trúc		
3	4	405	Cơ sở dữ liệu	524107D	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
3	4	406	TK giao diện Website	524108A	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
3	4	501	Thanh toán điện tử	523108B	.	ThS	Lê Văn Chiến	0984033076	CN số và Truyền thông		
3	4	502	Tối ưu hóa công cụ tìm ki	523108A	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
3	4	503	Tâm lý học truyền thông	7253201B04	.	ThS	Phạm Thắm Quỳnh Anh	0346944369	CN số và Truyền thông		
3	4	504	Tổ chức sản xuất XD	522111	.	TS	Tạ Văn Phần	0989329846	Kiến trúc		
3	4	505	Quản lý dự án	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
3	4	506	TK và XD phần mềm	523100B	.	ThS	Bùi Thị Thanh	0984568781	CN số và Truyền thông		
3	4	507	Kiểm chứng phần mềm	523100C	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
3	4	601V	Học bù	7254801B02	.	PGS.TS	Nguyễn Minh Dân	0903405946	CN số và Truyền thông		
3	4	B01	Tiếng Anh GE4	524108B	1	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		

Số trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
3	4	B02	Tiếng Anh GE2	7253402B02	1	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
3	4	B03	Tiếng Anh GE4	524107E	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
3	4	B05	Tiếng Anh GE4	524107E	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
3	4	B06	Tiếng Anh GE2	7253402B02	2	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
3	4	B07	Tiếng Anh GE4	524108B	2	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
3	4	B09	Tiếng Anh GE2	7253201B21	2	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
3	4	HTL1	Photoshop	7253201B05	.	ThS	Nguyễn Hồng Nhung	0914382249	CN số và Truyền thông		
3	4	HTL2	Học bù	523107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	5	101	TTHCM	523107A	.	ThS	Nguyễn Thúy Thanh	0983970376	CN số và Truyền thông		
3	5	206	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524122	.	TS	Trần Thị Mai Thanh	0912466386	Công nghệ Kỹ thuật		
3	5	303	Kinh tế vi mô	7253402B01	.	TS	Cao Thị Thiên Thu	0913517678	CN số và Truyền thông		
3	5	304	Thiết kế đô thị	522110	.	ThS	Lê Minh Ánh	0904198209	Kiến trúc		
3	5	305	Cơ học kết cấu 1	524111	.	ThS	Vũ Chung Hiếu	0985224885	Kiến trúc		
3	5	306	Kinh tế chính trị	7253201B03	.	ThS	Phạm Thị Phương Mai	0962180383	CN số và Truyền thông		
3	5	403	Tiếng Anh GE2	7253201B21	1	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
3	5	404	Vật liệu xây dựng	524116	.	ThS	Nguyễn Ngọc Long	0983925682	Kiến trúc		
3	5	405	Cơ sở dữ liệu	524107D	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
3	5	406	TK giao diện Website	524108A	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
3	5	501	Thanh toán điện tử	523108B	.	ThS	Lê Văn Chiến	0984033076	CN số và Truyền thông		
3	5	502	Tối ưu hóa công cụ tìm ki	523108A	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phươn	0942761580	CN số và Truyền thông		
3	5	503	Tâm lý học truyền thông	7253201B04	.	ThS	Phạm Thắm Quỳnh Anh	0346944369	CN số và Truyền thông		
3	5	504	Tổ chức sản xuất XD	522111	.	TS	Tạ Văn Phần	0989329846	Kiến trúc		
3	5	505	Quản lý dự án	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
3	5	506	TK và XD phần mềm	523100B	.	ThS	Bùi Thị Thanh	0984568781	CN số và Truyền thông		
3	5	507	Kiểm chứng phần mềm	523100C	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
3	5	601V	Học bù	7254801B02	.	PGS.TS	Nguyễn Minh Dân	0903405946	CN số và Truyền thông		
3	5	B02	Học bù	7253402B02	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	5	B09	Tiếng Anh GE2	7253201B21	2	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
3	5	HTL2	Học bù	523107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
3	6	101	Thanh toán điện tử	523108C	.	ThS	Lê Văn Chiến	0984033076	CN số và Truyền thông		
3	6	203	Lý thuyết ĐK tự động 2	523121A	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
3	6	204	Kỹ thuật VXL và ghép nối	523121B	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
3	6	206	Toán A2	302B01+725580	.	ThS	Đặng Thanh Hưng	0967066484	Kiến trúc công trình		
3	6	207	Tin đại cương	7255101A01	.	ThS	Nguyễn Thị Đoàn Trang	0913536511	Công nghệ Kỹ thuật		
3	6	303	Cơ sở kiến trúc 2	301B01+725580	.	TS+ThS	Hồ Hải Nam+Lê Quang	0936345509+096	Kiến trúc công trình		
3	6	304	Tài chính doanh nghiệp X	523116	.	TS	Thiều Thị Thanh Thúy	0988668631	Kiến trúc		
3	6	305	Công nghệ trong CT kiến	523110	.	ThS	Nguyễn Thu Hà	0915111919	Kiến trúc		
3	6	402	Thi lại HP	CNTT	.		.	.			
3	6	403	Kinh tế chính trị	7254801B02	.	ThS	Lê Thanh Ngọc	0383094808	CN số và Truyền thông		
3	6	406	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524107G	.	ThS	Nguyễn Thúy Thanh	0983970376	CN số và Truyền thông		
3	6	503	Học bù	7253402B02	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	6	504	Kỹ thuật và CNXD1	523111	.	TS	Tạ Văn Phần	0989329846	Kiến trúc		
3	6	505	Toán cao cấp A2	7254801B01	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		
3	6	506	TK giao diện Website	524100B	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
3	6	507	Cơ sở dữ liệu	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
3	6	B01	Tiếng Anh GE4	524107C	1	ThS	Trần Thị Thu Hương - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
3	6	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B01	1	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
3	6	B03	Tiếng Anh GE4	524108C	1	ThS	Kiều Tiến Đại - Phạm Th	0986720468 - 09	CN số và Truyền thông		
3	6	B05	Tiếng Anh GE4	524108C	2	ThS	Kiều Tiến Đại - Phạm Th	0986720468 - 09	CN số và Truyền thông		
3	6	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B01	2	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
3	6	B07	Tiếng Anh GE4	524107C	2	ThS	Trần Thị Thu Hương - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
3	6	B08	Hệ quản trị CSDL SQL Se	7254801B11	.	ThS	Trần Thị Lựa A	0912767704	CN số và Truyền thông		
3	6	HTL1	Học bù	7253402B03	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	7	101	Thanh toán điện tử	523108C	.	ThS	Lê Văn Chiến	0984033076	CN số và Truyền thông		
3	7	103	Kiểm chứng phần mềm	523100D	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
3	7	203	Lý thuyết ĐK tự động 2	523121A	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
3	7	204	Kỹ thuật VXL và ghép nối	523121B	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
3	7	206	Toán A2	302B01+725580	.	ThS	Đặng Thanh Hưng	0967066484	Kiến trúc công trình		

Số trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
3	7	207	Tin đại cương	7255101A01	.	ThS	Nguyễn Thị Đoan Trang	0913536511	Công nghệ Kỹ thuật		
3	7	303	Cơ sở kiến trúc 2	301B01+725580	.	TS+ThS	Hồ Hải Nam+Lê Quang	0936345509+096	Kiến trúc công trình		
3	7	304	Tài chính doanh nghiệp X	523116	.	TS	Thiều Thị Thanh Thúy	0988668631	Kiến trúc		
3	7	305	Công nghệ trong CT kiến	523110	.	ThS	Nguyễn Thu Hà	0915111919	Kiến trúc		
3	7	402	Thi lại HP	CNTT	.		.	.			
3	7	403	Kinh tế chính trị	7254801B02	.	ThS	Lê Thanh Ngọc	0383094808	CN số và Truyền thông		
3	7	404	Biên tập audio và video	524107B	.	ThS	Nguyễn Hồng Nhung	0914382249	CN số và Truyền thông		
3	7	406	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524107G	.	ThS	Nguyễn Thúy Thanh	0983970376	CN số và Truyền thông		
3	7	503	Học bù	7253402B02	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	7	504	Kỹ thuật và CNXD1	523111	.	TS	Tạ Văn Phần	0989329846	Kiến trúc		
3	7	505	Toán cao cấp A2	7254801B01	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		
3	7	506	TK giao diện Website	524100B	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
3	7	507	Cơ sở dữ liệu	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
3	7	601V	Pháp luật đại cương	7253402B11	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
3	7	B01	Tiếng Anh GE4	524107C	1	ThS	Trần Thị Thu Hương - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
3	7	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B01	1	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
3	7	B03	Tiếng Anh GE4	524108C	1	ThS	Kiều Tiến Đại - Phạm Th	0986720468 - 09	CN số và Truyền thông		
3	7	B05	Tiếng Anh GE4	524108C	2	ThS	Kiều Tiến Đại - Phạm Th	0986720468 - 09	CN số và Truyền thông		
3	7	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B01	2	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
3	7	B07	Tiếng Anh GE4	524107C	2	ThS	Trần Thị Thu Hương - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
3	7	B08	Hệ quản trị CSDL SQL Se	7254801B11	.	ThS	Trần Thị Lựa A	0912767704	CN số và Truyền thông		
3	7	B09	Học bù	524107A	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	7	HTL1	Học bù	7253402B03	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	8	101	Tối ưu hóa công cụ tìm ki	523108C	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
3	8	103	Kiểm chứng phần mềm	523100D	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
3	8	203	Truyền động điện	523121A	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
3	8	204	Kỹ thuật VXL và ghép nối	523121B	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
3	8	206	Toán A2	302B01+725580	.	ThS	Đặng Thanh Hưng	0967066484	Kiến trúc công trình		
3	8	207	Tin đại cương	7255101A01	.	ThS	Nguyễn Thị Đoan Trang	0913536511	Công nghệ Kỹ thuật		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
3	8	303	Cơ sở kiến trúc 2	301B01+725580	.	TS+ThS	Hồ Hải Nam+Lê Quang	0936345509+096	Kiến trúc công trình		
3	8	304	ĐA kinh tế đầu tư	523116	1	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
3	8	305	Công nghệ trong CT kiến	523110	.	ThS	Nguyễn Thu Hà	0915111919	Kiến trúc		
3	8	403	Toán rời rạc	7254801B02	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		
3	8	404	Biên tập audio và video	524107B	.	ThS	Nguyễn Hồng Nhung	0914382249	CN số và Truyền thông		
3	8	405	TK và XD phần mềm	523107B	.	ThS	Chu Hải Hà	0973961285	CN số và Truyền thông		
3	8	501	TK giao diện Website	524108C	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
3	8	503	Thanh toán điện tử	523108D	.	ThS	Lê Văn Chiến	0984033076	CN số và Truyền thông		
3	8	504	Kỹ thuật và CNXD1	523111	.	TS	Tạ Văn Phần	0989329846	Kiến trúc		
3	8	505	Kinh tế chính trị	7254801B01	.	ThS	Lê Thanh Ngọc	0383094808	CN số và Truyền thông		
3	8	506	TK giao diện Website	524100B	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
3	8	507	Cơ sở dữ liệu	524100A	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
3	8	601V	Pháp luật đại cương	7253402B11	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
3	8	B01	Tiếng Anh GE4	524107G	1	ThS	Trần Thị Thu Hường - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
3	8	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B02	1	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
3	8	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B02	2	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
3	8	B07	Tiếng Anh GE4	524107G	2	ThS	Trần Thị Thu Hường - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
3	8	B08	Cấu trúc dữ liệu và giải th	7254801B11	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
3	8	B09	Học bù	524107A	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	8	HTL1	Học bù	7253402B03	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	9	101	Tối ưu hóa công cụ tìm ki	523108C	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
3	9	203	Truyền động điện	523121A	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
3	9	204	Kỹ thuật VXL và ghép nối	523121B	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
3	9	207	Pháp luật đại cương	7253402B03	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
3	9	303	Cơ sở kiến trúc 2	301B01+725580	.	TS+ThS	Hồ Hải Nam+Lê Quang	0936345509+096	Kiến trúc công trình		
3	9	304	ĐA kinh tế đầu tư	523116	1	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
3	9	305	Công nghệ trong CT kiến	523110	.	ThS	Nguyễn Thu Hà	0915111919	Kiến trúc		
3	9	403	Toán rời rạc	7254801B02	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		
3	9	405	TK và XD phần mềm	523107B	.	ThS	Chu Hải Hà	0973961285	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
3	9	501	TK giao diện Website	524108C	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
3	9	502	Biên tập audio và video	524107A	.	ThS	Nguyễn Hồng Nhung	0914382249	CN số và Truyền thông		
3	9	503	Thanh toán điện tử	523108D	.	ThS	Lê Văn Chiến	0984033076	CN số và Truyền thông		
3	9	504	Kỹ thuật và CNXD1	523111	.	TS	Tạ Văn Phần	0989329846	Kiến trúc		
3	9	505	Kinh tế chính trị	7254801B01	.	ThS	Lê Thanh Ngọc	0383094808	CN số và Truyền thông		
3	9	506	Tiếng Anh GE4	524100B	.	ThS	Phạm Thị Làn	0986969270	CN số và Truyền thông		
3	9	507	Tiếng Anh GE4	524100A	.	ThS	Kiều Tiến Đại	0986720468	CN số và Truyền thông		
3	9	601V	Nhập môn thương mại điệ	7253402B11	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
3	9	B01	Tiếng Anh GE4	524107G	1	ThS	Trần Thị Thu Hương - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
3	9	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B02	1	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
3	9	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B02	2	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
3	9	B07	Tiếng Anh GE4	524107G	2	ThS	Trần Thị Thu Hương - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
3	9	B08	Cấu trúc dữ liệu và giải th	7254801B11	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
3	9	B09	Học bù	524107B	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	9	pm301	Công nghệ XML và ứng d	523100D	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
3	10	203	Truyền động điện	523121A	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
3	10	207	Pháp luật đại cương	7253402B03	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
3	10	403	Toán rời rạc	7254801B02	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		
3	10	405	TK và XD phần mềm	523107B	.	ThS	Chu Hải Hà	0973961285	CN số và Truyền thông		
3	10	501	TK giao diện Website	524108C	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
3	10	502	Biên tập audio và video	524107A	.	ThS	Nguyễn Hồng Nhung	0914382249	CN số và Truyền thông		
3	10	503	Thanh toán điện tử	523108D	.	ThS	Lê Văn Chiến	0984033076	CN số và Truyền thông		
3	10	506	Tiếng Anh GE4	524100B	.	ThS	Phạm Thị Làn	0986969270	CN số và Truyền thông		
3	10	507	Tiếng Anh GE4	524100A	.	ThS	Kiều Tiến Đại	0986720468	CN số và Truyền thông		
3	10	601V	Nhập môn thương mại điệ	7253402B11	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
3	10	B08	Cấu trúc dữ liệu và giải th	7254801B11	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
3	10	B09	Học bù	524107B	.		.	.	CN số và Truyền thông		
3	10	pm301	Công nghệ XML và ứng d	523100D	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
4	1	101	Cơ sở dữ liệu	524107E	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		

Số trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
4	1	103	TK và XD phần mềm	524100VN	.	ThS	Bùi Thị Thanh	0984568781	CN số và Truyền thông		
4	1	204	Kỹ thuật điện tử tương tự	524121A	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
4	1	207	Tâm lý học truyền thông	7253201B06	.	ThS	Phạm Thắm Quỳnh Anh	0346944369	CN số và Truyền thông		
4	1	305	Địa chất và nền móng côn	524116	.	ThS	Nguyễn Ngọc Long	0983925682	Kiến trúc		
4	1	306	TK giao diện Website	524108B	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
4	1	403	Nhiếp ảnh	7253201B21	.	ThS	Nguyễn Việt Thái	0857166629	CN số và Truyền thông		
4	1	405	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B04	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
4	1	B05	Tiếng Anh GE2	7253201B03	1	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
4	1	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B03	2	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
4	1	B09	Thương mại điện tử	522100A+B+C	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
4	2	101	Cơ sở dữ liệu	524107E	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
4	2	103	TK và XD phần mềm	524100VN	.	ThS	Bùi Thị Thanh	0984568781	CN số và Truyền thông		
4	2	203	Tiếng Anh GE2	7253201B11	.	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
4	2	204	Kỹ thuật điện tử tương tự	524121A	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
4	2	206	Sức bền vật liệu	524122	.	ThS	Phạm Ngọc Tráng	0982475199	Công nghệ Kỹ thuật		
4	2	207	Tâm lý học truyền thông	7253201B06	.	ThS	Phạm Thắm Quỳnh Anh	0346944369	CN số và Truyền thông		
4	2	303	Kinh tế chính trị	7253402B02	.	PGS.TS	Tô Đức Hạnh	0918038866	CN số và Truyền thông		
4	2	305	Địa chất và nền móng côn	524116	.	ThS	Nguyễn Ngọc Long	0983925682	Kiến trúc		
4	2	306	TK giao diện Website	524108B	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
4	2	403	Nhiếp ảnh	7253201B21	.	ThS	Nguyễn Việt Thái	0857166629	CN số và Truyền thông		
4	2	404	Tối ưu hóa công cụ tìm ki	523107A	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
4	2	405	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B04	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
4	2	406	Phân tích và thiết kế hệ th	524108A	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
4	2	501	Khởi nghiệp kinh doanh	523108B	.	ThS	Nguyễn Thanh Thảo	0914828121	CN số và Truyền thông		
4	2	503	Pháp luật đại cương	7253402B01	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
4	2	504	ĐA định mức kỹ thuật XD	523116	1	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
4	2	B05	Tiếng Anh GE2	7253201B03	1	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
4	2	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B03	2	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
4	2	B09	Thương mại điện tử	522100A+B+C	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
4	2	pm201	Tin học UD trong thi công	522111	.	ThS	Dương Tuấn Phương	0965903976	Kiến trúc		
4	3	101	Cơ sở dữ liệu	524107E	.	ThS	Nguyễn Thị Mươi Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
4	3	103	Tiếng Nhật 4	524100VN	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
4	3	203	Tiếng Anh GE2	7253201B11	.	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
4	3	204	Kỹ thuật điện tử tương tự	524121A	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
4	3	206	Sức bền vật liệu	524122	.	ThS	Phạm Ngọc Tráng	0982475199	Công nghệ Kỹ thuật		
4	3	303	Kinh tế chính trị	7253402B02	.	PGS.TS	Tô Đức Hạnh	0918038866	CN số và Truyền thông		
4	3	305	Kinh tế XD	524116	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
4	3	306	TK giao diện Website	524108B	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
4	3	403	Nhiếp ảnh	7253201B21	.	ThS	Nguyễn Việt Thái	0857166629	CN số và Truyền thông		
4	3	404	Tối ưu hóa công cụ tìm ki	523107A	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
4	3	405	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B03	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
4	3	406	Phân tích và thiết kế hệ th	524108A	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
4	3	501	Khởi nghiệp kinh doanh	523108B	.	ThS	Nguyễn Thanh Thảo	0914828121	CN số và Truyền thông		
4	3	503	Pháp luật đại cương	7253402B01	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
4	3	504	ĐA định mức kỹ thuật XD	523116	1	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
4	3	505	Kế hoạch dự báo	522116	.	ThS	Lê Hải Yến	0385913079	Kiến trúc		
4	3	601V	Cấu trúc DL và giải thuật	524107D	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
4	3	B01	Khai phá dữ liệu	522108A+B	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	CN số và Truyền thông		
4	3	B05	Tiếng Anh GE2	7253201B04	1	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
4	3	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B04	2	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
4	3	B07	Cấu tạo kiến trúc	524111	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
4	3	B08	Xử lý khủng hoảng truyền	522107A+B+C	.	ThS	Phạm Thắm Quỳnh Anh	0346944369	CN số và Truyền thông		
4	3	B09	Phát triển UD cho TB di đ	522100A+B+C	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
4	3	pm201	Tin học UD trong thi công	522111	.	ThS	Dương Tuấn Phương	0965903976	Kiến trúc		
4	3	pm301	Công nghệ Java	524100B	.	ThS	Nguyễn Thị Đoan Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		
4	4	103	Tiếng Nhật 4	524100VN	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
4	4	203	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B11	.	ThS	Nguyễn Việt Thái	0857166629	CN số và Truyền thông		
4	4	206	Sức bền vật liệu	524122	.	ThS	Phạm Ngọc Tráng	0982475199	Công nghệ Kỹ thuật		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày: 02/02/2026 Đến 08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. **- Cán bộ:** -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
4	4	207	Thi lại HP	CNTT	.	.	.	.			
4	4	303	Pháp luật đại cương	7253402B02	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
4	4	305	Kinh tế XD	524116	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
4	4	306	Phân tích và thiết kế hệ th	524108B	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
4	4	404	Phát triển UĐ Web trong	523107A	.	ThS	Nguyễn Thu Vân	0936738889	CN số và Truyền thông		
4	4	405	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B03	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
4	4	406	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524108A	.	ThS	Nguyễn Thúy Thanh	0983970376	CN số và Truyền thông		
4	4	501	Học bù	524100A	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		
4	4	502	Khởi nghiệp kinh doanh	523108A	.	ThS	Nguyễn Thanh Thảo	0914828121	CN số và Truyền thông		
4	4	503	Kinh tế chính trị	7253402B01	.	PGS.TS	Tô Đức Hạnh	0918038866	CN số và Truyền thông		
4	4	504	ĐA định mức kỹ thuật XD	523116	1	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
4	4	505	Kế hoạch dự báo	522116	.	ThS	Lê Hải Yến	0385913079	Kiến trúc		
4	4	506	Công nghệ mã nguồn mở (	523100B	.	ThS	Đàm Truyền Đức	0964111216	CN số và Truyền thông		
4	4	507	Công nghệ mã nguồn mở (	523100C	.	ThS	Đàm Truyền Đức	0964111216	CN số và Truyền thông		
4	4	601V	Cấu trúc DL và giải thuật	524107D	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
4	4	B01	Khai phá dữ liệu	522108A+B	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	CN số và Truyền thông		
4	4	B03	Gia cố và sửa chữa BTCT	522111	.	ThS	Vũ Chung Hiếu	0985224885	Kiến trúc		
4	4	B05	Tiếng Anh GE2	7253201B04	1	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
4	4	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B04	2	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
4	4	B07	Cấu tạo kiến trúc	524111	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
4	4	B08	Xử lý khủng hoảng truyền	522107A+B+C	.	ThS	Phạm Thâm Quỳnh Anh	0346944369	CN số và Truyền thông		
4	4	B09	Phát triển UĐ cho TB di đ	522100A+B+C	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
4	4	pm301	Công nghệ Java	524100B	.	ThS	Nguyễn Thị Đoan Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		
4	5	103	Tiếng Nhật 4	524100VN	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
4	5	203	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B11	.	ThS	Nguyễn Việt Thái	0857166629	CN số và Truyền thông		
4	5	206	Sức bền vật liệu	524122	.	ThS	Phạm Ngọc Tráng	0982475199	Công nghệ Kỹ thuật		
4	5	207	Thi lại HP	CNTT	.	.	.	.			
4	5	303	Pháp luật đại cương	7253402B02	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
4	5	305	Kinh tế XD	524116	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
4	5	306	Phân tích và thiết kế hệ th	524108B	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
4	5	404	Phát triển UD Web trong	523107A	.	ThS	Nguyễn Thu Vân	0936738889	CN số và Truyền thông		
4	5	406	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524108A	.	ThS	Nguyễn Thúy Thanh	0983970376	CN số và Truyền thông		
4	5	501	Học bù	524100A	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		
4	5	502	Khởi nghiệp kinh doanh	523108A	.	ThS	Nguyễn Thanh Thảo	0914828121	CN số và Truyền thông		
4	5	503	Kinh tế chính trị	7253402B01	.	PGS.TS	Tô Đức Hạnh	0918038866	CN số và Truyền thông		
4	5	504	ĐA định mức kỹ thuật XD	523116	1	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
4	5	505	Kế hoạch dự báo	522116	.	ThS	Lê Hải Yến	0385913079	Kiến trúc		
4	5	506	Công nghệ mã nguồn mở (	523100B	.	ThS	Đàm Truyền Đức	0964111216	CN số và Truyền thông		
4	5	507	Công nghệ mã nguồn mở (	523100C	.	ThS	Đàm Truyền Đức	0964111216	CN số và Truyền thông		
4	5	601V	Cấu trúc DL và giải thuật	524107D	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
4	5	B01	Khai phá dữ liệu	522108A+B	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	CN số và Truyền thông		
4	5	B03	Gia cố và sửa chữa BTCT	522111	.	ThS	Vũ Chung Hiếu	0985224885	Kiến trúc		
4	5	B07	Cấu tạo kiến trúc	524111	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
4	5	B08	Xử lý khủng hoảng truyền	522107A+B+C	.	ThS	Phạm Thắm Quỳnh Anh	0346944369	CN số và Truyền thông		
4	5	B09	Phát triển UD cho TB di đ	522100A+B+C	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
4	5	pm301	Công nghệ Java	524100B	.	ThS	Nguyễn Thị Doan Trang	0913536511	CN số và Truyền thông		
4	6	101	Đồ họa Web và đa phươn	523108C	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
4	6	103	Tiếng Nhật 6	523100D	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
4	6	203	Kỹ thuật VXL và ghép nối	523121A	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
4	6	206	Nhập môn Cơ điện tử	523122	.	TS	Trần Quý Cao	0961004774	Công nghệ Kỹ thuật		
4	6	303	Kinh tế chính trị	301B01+725580	.	PGS.TS	Tô Đức Hạnh	0918038866	Kiến trúc công trình		
4	6	304	Kinh tế chính trị	7253402B11	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0902197191	CN số và Truyền thông		
4	6	306	Khởi nghiệp kinh doanh	523108D	.	ThS	Nguyễn Thanh Thảo	0914828121	CN số và Truyền thông		
4	6	403	Pháp luật đại cương	7254801B02	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
4	6	404	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524108C	.	ThS	Vũ Thị Kiều Ly	0862239868	CN số và Truyền thông		
4	6	406	Học bù	524107D	.				CN số và Truyền thông		
4	6	501	Công nghệ mã nguồn mở (	523100A	.	ThS	Đàm Truyền Đức	0964111216	CN số và Truyền thông		
4	6	502	Tiếng Anh GE2	7253402B03	1	ThS	Đào Tuyết Nga+Phạm T	0989582894+096	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
4	6	503	Mỹ học đại cương	7253201B01	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
4	6	504	Kết cấu thép 1	523111	.	ThS	Trần Văn Cường	0976948995	Kiến trúc		
4	6	506	Kỹ nghệ phần mềm	524100B	.	ThS	Trần Thị Lua B	0983027411	CN số và Truyền thông		
4	6	507	Tiếng Anh GE2	7253402B03	2	ThS	Đào Tuyết Nga+Phạm T	0989582894+096	CN số và Truyền thông		
4	6	601V	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B02	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
4	6	B01	Môi trường khí hậu công t	523110	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
4	6	B02	Tiếng Anh GE2	7254801B01	1	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
4	6	B03	Tiếng Anh GE4	524107A	1	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễn	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
4	6	B05	Tiếng Anh GE4	524107A	2	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễn	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
4	6	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B01	2	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
4	6	B07	Truyền thông hình ảnh	522107A+B	.	TS	Nguyễn Thị Thương Huy	0983648287	CN số và Truyền thông		
4	6	B08	Lập trình hướng đối tượng	7254801B11	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
4	6	B09	Học bù	7253201B11	.		.	.	CN số và Truyền thông		
4	6	HTL1	Thi lại HP	CNTT	.		.	.			
4	6	HTL2	Thi lại HP	CNTT	.		.	.			
4	6	pm401	Tin ứng dụng	7253201B02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	CN số và Truyền thông		
4	7	101	Đồ họa Web và đa phươn	523108C	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
4	7	103	Tiếng Nhật 6	523100D	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
4	7	203	Kỹ thuật VXL và ghép nối	523121A	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
4	7	204	Vật lý A2	7255101A01	.	ThS	Trần Minh Tiến	0915786265	Công nghệ Kỹ thuật		
4	7	206	Nhập môn Cơ điện tử	523122	.	TS	Trần Quý Cao	0961004774	Công nghệ Kỹ thuật		
4	7	207	Kỹ năng HT & LV theo n	7255102B01	.	TS	Vũ Văn Chung	0986376369	Công nghệ Kỹ thuật		
4	7	303	Kinh tế chính trị	301B01+725580	.	PGS.TS	Tô Đức Hạnh	0918038866	Kiến trúc công trình		
4	7	304	Kinh tế chính trị	7253402B11	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0902197191	CN số và Truyền thông		
4	7	306	Khởi nghiệp kinh doanh	523108D	.	ThS	Nguyễn Thanh Thảo	0914828121	CN số và Truyền thông		
4	7	403	Pháp luật đại cương	7254801B02	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
4	7	404	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524108C	.	ThS	Vũ Thị Kiều Ly	0862239868	CN số và Truyền thông		
4	7	406	Học bù	524107D	.		.	.	CN số và Truyền thông		
4	7	501	Công nghệ mã nguồn mở (	523100A	.	ThS	Đàm Truyền Đức	0964111216	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
4	7	502	Tiếng Anh GE2	7253402B03	1	ThS	Đào Tuyết Nga+Phạm T	0989582894+096	CN số và Truyền thông		
4	7	503	Mỹ học đại cương	7253201B01	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
4	7	504	Kết cấu thép 1	523111	.	ThS	Trần Văn Cường	0976948995	Kiến trúc		
4	7	505	Kinh tế đầu tư	523116	.	ThS	Lê Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
4	7	506	Kỹ nghệ phần mềm	524100B	.	ThS	Trần Thị Lua B	0983027411	CN số và Truyền thông		
4	7	507	Tiếng Anh GE2	7253402B03	2	ThS	Đào Tuyết Nga+Phạm T	0989582894+096	CN số và Truyền thông		
4	7	601V	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B02	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
4	7	B01	Môi trường khí hậu công t	523110	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
4	7	B02	Tiếng Anh GE2	7254801B01	1	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
4	7	B03	Tiếng Anh GE4	524107A	1	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễn	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
4	7	B05	Tiếng Anh GE4	524107A	2	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễn	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
4	7	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B01	2	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
4	7	B07	Truyền thông hình ảnh	522107A+B	.	TS	Nguyễn Thị Thương Huy	0983648287	CN số và Truyền thông		
4	7	B08	Lập trình hướng đối tượng	7254801B11	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
4	7	B09	Học bù	7253201B11	.		.	.	CN số và Truyền thông		
4	7	HTL1	Thi lại HP	CNTT	.		.	.			
4	7	HTL2	Thi lại HP	CNTT	.		.	.			
4	7	pm301	XD mô hình kết nối trực t	523100A+B+C	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	CN số và Truyền thông		
4	7	pm401	Tin ứng dụng	7253201B02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	CN số và Truyền thông		
4	8	101	Khởi nghiệp kinh doanh	523108C	.	ThS	Nguyễn Thanh Thảo	0914828121	CN số và Truyền thông		
4	8	103	Tiếng Nhật 6	523100D	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
4	8	203	Điều khiển logic	523121A	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
4	8	204	Vật lý A2	7255101A01	.	ThS	Trần Minh Tiến	0915786265	Công nghệ Kỹ thuật		
4	8	206	Kỹ thuật vi xử lý	523122	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
4	8	207	Kỹ năng HT & LV theo n	7255102B01	.	TS	Vũ Văn Chung	0986376369	Công nghệ Kỹ thuật		
4	8	303	Kinh tế chính trị	302B01+725580	.	PGS.TS	Tô Đức Hạnh	0918038866	Kiến trúc công trình		
4	8	304	Tiếng Anh GE2	7253402B11	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	CN số và Truyền thông		
4	8	305	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	522100A+B+C	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
4	8	306	Kinh tế chính trị	7253402B03	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0902197191	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
4	8	403	Pháp luật đại cương	7254801B01	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
4	8	404	Phân tích và thiết kế hệ th	524108C	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
4	8	405	Cấu trúc DL và giải thuật	524107G	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
4	8	406	TK và XD phần mềm	523107C	.	ThS	Chu Hải Hà	0973961285	CN số và Truyền thông		
4	8	502	TK giao diện Website	524107A	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
4	8	503	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B01	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
4	8	504	ĐA kết cấu thép 1	523111	.	ThS	Trần Văn Cường	0976948995	Kiến trúc		
4	8	505	Kinh tế đầu tư	523116	.	ThS	Lê Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
4	8	506	Cơ sở dữ liệu	524100B	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
4	8	507	Kỹ nghệ phần mềm	524100A	.	ThS	Trần Thị Lựa B	0983027411	CN số và Truyền thông		
4	8	601V	Mỹ học đại cương	7253201B02	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
4	8	B01	Môi trường khí hậu công t	523110	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
4	8	B02	Tiếng Anh GE2	7254801B02	1	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
4	8	B03	Tiếng Anh GE4	524107B	1	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễ	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
4	8	B05	Tiếng Anh GE4	524107B	2	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễ	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
4	8	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B02	2	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
4	8	B07	Truyền thông hình ảnh	522107A+B	.	TS	Nguyễn Thị Thương Huy	0983648287	CN số và Truyền thông		
4	8	B08	Lập trình hướng đối tượng	7254801B11	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
4	8	B09	Học bù	7253201B11	.		.	.	CN số và Truyền thông		
4	8	HTL1	Quản trị nguồn nhân lực	523108D	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0936207879	CN số và Truyền thông		
4	8	pm301	XD mô hình kết nối trực t	523100A+B+C	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	CN số và Truyền thông		
4	8	pm401	Tin ứng dụng	7253201B02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	CN số và Truyền thông		
4	9	101	Khởi nghiệp kinh doanh	523108C	.	ThS	Nguyễn Thanh Thảo	0914828121	CN số và Truyền thông		
4	9	103	TTHCM	523100D	.	ThS	Vũ Thị Kiều Ly	0862239868	CN số và Truyền thông		
4	9	203	Điều khiển logic	523121A	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
4	9	204	Kỹ năng HT & LV theo n	7255101A01	.	TS	Vũ Văn Chung	0986376369	Công nghệ Kỹ thuật		
4	9	206	Kỹ thuật vi xử lý	523122	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
4	9	207	Vật lý A2	7255102B01	.	ThS	Trần Minh Tiến	0915786265	Công nghệ Kỹ thuật		
4	9	303	Kinh tế chính trị	302B01+725580	.	PGS.TS	Tô Đức Hạnh	0918038866	Kiến trúc công trình		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
4	9	304	Tiếng Anh GE2	7253402B11	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	CN số và Truyền thông		
4	9	305	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	522100A+B+C	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
4	9	306	Kinh tế chính trị	7253402B03	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0902197191	CN số và Truyền thông		
4	9	403	Pháp luật đại cương	7254801B01	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	CN số và Truyền thông		
4	9	404	Phân tích và thiết kế hệ th	524108C	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
4	9	405	Cấu trúc DL và giải thuật	524107G	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
4	9	406	TK và XD phần mềm	523107C	.	ThS	Chu Hải Hà	0973961285	CN số và Truyền thông		
4	9	502	TK giao diện Website	524107A	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
4	9	503	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B01	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
4	9	504	ĐA kết cấu thép 1	523111	.	ThS	Trần Văn Cường	0976948995	Kiến trúc		
4	9	505	Kinh tế đầu tư	523116	.	ThS	Lê Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
4	9	506	Cơ sở dữ liệu	524100B	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
4	9	507	Kỹ nghệ phần mềm	524100A	.	ThS	Trần Thị Lựa B	0983027411	CN số và Truyền thông		
4	9	601V	Mỹ học đại cương	7253201B02	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
4	9	B02	Tiếng Anh GE2	7254801B02	1	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
4	9	B03	Tiếng Anh GE4	524107B	1	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễ	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
4	9	B05	Tiếng Anh GE4	524107B	2	ThS	Trần Thanh Nga - Nguyễ	0912212215 - 09	CN số và Truyền thông		
4	9	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B02	2	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
4	9	B08	Toán cao cấp A2	7254801B11	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	CN số và Truyền thông		
4	9	HTL1	Quản trị nguồn nhân lực	523108D	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0936207879	CN số và Truyền thông		
4	9	pm301	XD mô hình kết nối trực t	523100A+B+C	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	CN số và Truyền thông		
4	9	pm401	Tin ứng dụng	7253201B02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	CN số và Truyền thông		
4	10	103	TTHCM	523100D	.	ThS	Vũ Thị Kiều Ly	0862239868	CN số và Truyền thông		
4	10	203	Điều khiển logic	523121A	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
4	10	204	Kỹ năng HT & LV theo n	7255101A01	.	TS	Vũ Văn Chung	0986376369	Công nghệ Kỹ thuật		
4	10	206	Kỹ thuật vi xử lý	523122	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
4	10	207	Vật lý A2	7255102B01	.	ThS	Trần Minh Tiến	0915786265	Công nghệ Kỹ thuật		
4	10	305	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	522100A+B+C	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
4	10	306	Học bù	7253402B03	.		.	.	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
4	10	405	Cấu trúc DL và giải thuật	524107G	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
4	10	406	TK và XD phần mềm	523107C	.	ThS	Chu Hải Hà	0973961285	CN số và Truyền thông		
4	10	502	TK giao diện Website	524107A	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
4	10	505	Kinh tế đầu tư	523116	.	ThS	Lê Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
4	10	506	Cơ sở dữ liệu	524100B	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
4	10	B08	Toán cao cấp A2	7254801B11	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	CN số và Truyền thông		
4	10	HTL1	Quản trị nguồn nhân lực	523108D	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0936207879	CN số và Truyền thông		
4	10	pm301	XD mô hình kết nối trực t	523100A+B+C	.	ThS	Trần Thị Nga	0973260999	CN số và Truyền thông		
4	10	pm401	Tin ứng dụng	7253201B02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	CN số và Truyền thông		
5	1	103	Tiếng Anh GE4	524100VN	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Hoa	0981956135	CN số và Truyền thông		
5	1	206	Kỹ thuật điện tử tương tự	524122	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
5	1	303	Thi lại HP	CNTT	.		.	.			
5	1	305	Tiếng Anh GE4	524111+116	.	ThS	Đinh Thị Thanh Tâm	0976740617	Kiến trúc		
5	1	306	XD và quản trị thương hiệ	522107A+B+C	.	ThS	Vũ Quỳnh Vân	0986588758	CN số và Truyền thông		
5	1	406	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524107E	.	ThS	Vũ Thị Kiều Ly	0862239868	CN số và Truyền thông		
5	1	501	TK và XD phần mềm	523100C	.	ThS	Bùi Thị Thanh	0984568781	CN số và Truyền thông		
5	1	506	ĐA định giá trong XD	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
5	1	601V	Thi lại HP	CNTT	.		.	.			
5	1	B02	Tiếng Anh GE2	7253402B01	1	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
5	1	B03	Tiếng Anh GE4	524107D	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
5	1	B05	Tiếng Anh GE4	524107D	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
5	1	B06	Tiếng Anh GE2	7253402B01	2	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
5	1	HTL2	Học bù	524100A	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	1	pm202	Tin ứng dụng	7253201B02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	CN số và Truyền thông		
5	1	pm401	Tin ứng dụng	7253201B01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
5	2	101	Học bù	524107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	2	103	Tiếng Anh GE4	524100VN	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Hoa	0981956135	CN số và Truyền thông		
5	2	204	Máy điện 1	524121A	.	TS	Triệu Việt Linh	0904449440	Công nghệ Kỹ thuật		
5	2	206	Kỹ thuật điện tử tương tự	524122	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
5	2	207	Tiếng Anh GE4	524121B	1	ThS	Hoàng Thanh Thơ - Trần	0858103900 - '09	Công nghệ Kỹ thuật		
5	2	303	Thi lại HP	CNTT	.		.	.			
5	2	305	Tiếng Anh GE4	524111+116	.	ThS	Đinh Thị Thanh Tâm	0976740617	Kiến trúc		
5	2	306	XD và quản trị thương hiệ	522107A+B+C	.	ThS	Vũ Quỳnh Vân	0986588758	CN số và Truyền thông		
5	2	404	Tiếng Anh GE2	7253201B11	.	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
5	2	405	Mỹ học đại cương	7253201B03	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
5	2	406	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524107E	.	ThS	Vũ Thị Kiều Ly	0862239868	CN số và Truyền thông		
5	2	501	TK và XD phần mềm	523100C	.	ThS	Bùi Thị Thanh	0984568781	CN số và Truyền thông		
5	2	502	Trí tuệ nhân tạo	523100B	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
5	2	506	ĐA định giá trong XD	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
5	2	601V	Thi lại HP	CNTT	.		.	.			
5	2	602V	Đồ án KTDD 3	524110	.	TS	Hồ Hải Nam	0936345509	Kiến trúc		
5	2	B01	Kiến trúc cảnh quan	522110	.	TS	Nguyễn Ngọc Anh	0813390574	Kiến trúc		
5	2	B02	Tiếng Anh GE2	7253402B01	1	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
5	2	B03	Tiếng Anh GE4	524107D	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
5	2	B05	Tiếng Anh GE4	524107D	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
5	2	B06	Tiếng Anh GE2	7253402B01	2	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
5	2	B07	Tiếng Anh GE4	524121B	2	ThS	Hoàng Thanh Thơ - Trần	0858103900 - '09	Công nghệ Kỹ thuật		
5	2	HTL1	Học bù	524107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	2	HTL2	Học bù	524100A	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	2	pm202	Tin ứng dụng	7253201B02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	CN số và Truyền thông		
5	2	pm401	Tin ứng dụng	7253201B01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
5	3	101	Học bù	524107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	3	103	Kinh tế chính trị Mac - Le	524100VN	.	ThS	Lê Thị Thảo	0986245161	CN số và Truyền thông		
5	3	203	Máy và công nghệ CNC	522121	.	ThS	Phạm Hải Yến	0946336688	Công nghệ Kỹ thuật		
5	3	204	Máy điện 1	524121A	.	TS	Triệu Việt Linh	0904449440	Công nghệ Kỹ thuật		
5	3	206	Kỹ thuật điện tử tương tự	524122	.	ThS	Vũ Thị Quỳnh	0984393496	Công nghệ Kỹ thuật		
5	3	207	Tiếng Anh GE4	524121B	1	ThS	Hoàng Thanh Thơ - Trần	0858103900 - '09	Công nghệ Kỹ thuật		
5	3	304	ĐA cấu tạo kiến trúc	524116	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
5	3	306	XD và quản trị thương hiệ	522107A+B+C	.	ThS	Vũ Quỳnh Vân	0986588758	CN số và Truyền thông		
5	3	404	Tiếng Anh GE2	7253201B11	.	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
5	3	405	Mỹ học đại cương	7253201B03	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
5	3	406	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524107D	.	ThS	Vũ Thị Kiều Ly	0862239868	CN số và Truyền thông		
5	3	501	TK và XD phần mềm	523100C	.	ThS	Bùi Thị Thanh	0984568781	CN số và Truyền thông		
5	3	502	Trí tuệ nhân tạo	523100B	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
5	3	503	Cơ sở dữ liệu	7253402B01	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
5	3	504	Chuyên đề công nghệ XD	522111	.	ThS	Dương Tuấn Phương	0965903976	Kiến trúc		
5	3	505	Môi trường xây dựng	524111	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
5	3	506	Định giá trong XD	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
5	3	507	Lập trình NodeJS	522108A+B	.	ThS	Nguyễn Thu Vân	0936738889	CN số và Truyền thông		
5	3	602V	Đồ án KTDD 3	524110	.	TS	Hồ Hải Nam	0936345509	Kiến trúc		
5	3	B01	Kiến trúc cảnh quan	522110	.	TS	Nguyễn Ngọc Anh	0813390574	Kiến trúc		
5	3	B02	Tiếng Anh GE2	7253402B02	1	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
5	3	B03	Tiếng Anh GE4	524107E	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
5	3	B05	Tiếng Anh GE4	524107E	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
5	3	B06	Tiếng Anh GE2	7253402B02	2	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
5	3	B07	Tiếng Anh GE4	524121B	2	ThS	Hoàng Thanh Thơ - Trần	0858103900 - '09	Công nghệ Kỹ thuật		
5	3	B08	Phát triển PM hướng dịch	522100A+B+C	.	ThS	Mai Thị Thúy Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		
5	3	HTL1	Học bù	524107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	3	HTL2	Học bù	524100B	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	3	pm202	Tin ứng dụng	7253201B02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	CN số và Truyền thông		
5	3	pm401	Tin ứng dụng	7253201B01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
5	4	101	Học bù	524107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	4	103	Kinh tế chính trị Mac - Le	524100VN	.	ThS	Lê Thị Thảo	0986245161	CN số và Truyền thông		
5	4	203	Máy và công nghệ CNC	522121	.	ThS	Phạm Hải Yến	0946336688	Công nghệ Kỹ thuật		
5	4	204	Tiếng Anh GE4	524121A	.	ThS	Hoàng Thanh Thơ	0858103900	Công nghệ Kỹ thuật		
5	4	206	Tiếng Anh GE4	524122	.	ThS	Trần Thị Thanh Ngát	0976262402	Công nghệ Kỹ thuật		
5	4	207	Máy điện 1	524121B	.	TS	Triệu Việt Linh	0904449440	Công nghệ Kỹ thuật		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
5	4	304	ĐA cấu tạo kiến trúc	524116	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
5	4	305	Tiếng Anh GE4	524110	.	ThS	Đinh Thị Thanh Tâm	0976740617	Kiến trúc		
5	4	403	Tiếng Anh GE2	7253201B21	1	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
5	4	404	Marketing căn bản	7253201B11	.	ThS	Vũ Quỳnh Vân	0986588758	CN số và Truyền thông		
5	4	405	Mỹ học đại cương	7253201B04	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
5	4	406	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524107D	.	ThS	Vũ Thị Kiều Ly	0862239868	CN số và Truyền thông		
5	4	501	Trí tuệ nhân tạo	523100C	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
5	4	503	Cơ sở dữ liệu	7253402B01	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
5	4	504	Chuyên đề công nghệ XD	522111	.	ThS	Dương Tuấn Phương	0965903976	Kiến trúc		
5	4	505	Môi trường xây dựng	524111	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
5	4	506	Định giá trong XD	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
5	4	507	Lập trình NodeJS	522108A+B	.	ThS	Nguyễn Thu Vân	0936738889	CN số và Truyền thông		
5	4	B01	Kiến trúc cảnh quan	522110	.	TS	Nguyễn Ngọc Anh	0813390574	Kiến trúc		
5	4	B02	Tiếng Anh GE2	7253402B02	1	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
5	4	B03	Tiếng Anh GE4	524107E	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
5	4	B05	Tiếng Anh GE4	524107E	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến - T	0941190381 - 09	CN số và Truyền thông		
5	4	B06	Tiếng Anh GE2	7253402B02	2	ThS	Lê Thị Kiều Oanh+Nguy	0912267597+091	CN số và Truyền thông		
5	4	B07	Tiếng Anh GE2	7253201B21	2	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
5	4	B08	Phát triển PM hướng dịch	522100A+B+C	.	ThS	Mai Thị Thúy Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		
5	4	HTL1	Học bù	524107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	4	HTL2	Học bù	524100B	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	4	pm202	Tin ứng dụng	7253201B02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	CN số và Truyền thông		
5	4	pm401	Tin ứng dụng	7253201B01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
5	5	101	Học bù	524107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	5	203	Máy và công nghệ CNC	522121	.	ThS	Phạm Hải Yến	0946336688	Công nghệ Kỹ thuật		
5	5	204	Tiếng Anh GE4	524121A	.	ThS	Hoàng Thanh Thơ	0858103900	Công nghệ Kỹ thuật		
5	5	206	Tiếng Anh GE4	524122	.	ThS	Trần Thị Thanh Ngát	0976262402	Công nghệ Kỹ thuật		
5	5	207	Máy điện 1	524121B	.	TS	Triệu Việt Linh	0904449440	Công nghệ Kỹ thuật		
5	5	304	ĐA cấu tạo kiến trúc	524116	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
5	5	305	Tiếng Anh GE4	524110	.	ThS	Đinh Thị Thanh Tâm	0976740617	Kiến trúc		
5	5	403	Tiếng Anh GE2	7253201B21	1	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
5	5	404	Marketing căn bản	7253201B11	.	ThS	Vũ Quỳnh Vân	0986588758	CN số và Truyền thông		
5	5	405	Mỹ học đại cương	7253201B04	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
5	5	501	Trí tuệ nhân tạo	523100C	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
5	5	503	Cơ sở dữ liệu	7253402B01	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
5	5	504	Chuyên đề công nghệ XD	522111	.	ThS	Dương Tuấn Phương	0965903976	Kiến trúc		
5	5	505	Môi trường xây dựng	524111	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
5	5	506	Định giá trong XD	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
5	5	507	Lập trình NodeJS	522108A+B	.	ThS	Nguyễn Thu Vân	0936738889	CN số và Truyền thông		
5	5	B01	Kiến trúc cảnh quan	522110	.	TS	Nguyễn Ngọc Anh	0813390574	Kiến trúc		
5	5	B07	Tiếng Anh GE2	7253201B21	2	ThS	Phạm Thị Làn+Nguyễn	0986969270+096	CN số và Truyền thông		
5	5	B08	Phát triển PM hướng dịch	522100A+B+C	.	ThS	Mai Thị Thúy Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		
5	5	HTL1	Học bù	524107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	5	HTL2	Học bù	524100B	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	5	pm202	Tin ứng dụng	7253201B02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	CN số và Truyền thông		
5	5	pm401	Tin ứng dụng	7253201B01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	CN số và Truyền thông		
5	6	101	Logistic căn bản	523108C	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
5	6	103	Khai phá dữ liệu	523100D	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	CN số và Truyền thông		
5	6	203	Điều khiển logic	523121B	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
5	6	204	Kinh tế chính trị	7255101A01	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0902197191	Công nghệ Kỹ thuật		
5	6	206	Nguyên lý và dụng cụ cắt	523122	.	TS	Trần Quý Cao	0961004774	Công nghệ Kỹ thuật		
5	6	207	Toán A2	7255102B01	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Công nghệ Kỹ thuật		
5	6	303	Tiếng Anh GE2	7255801B11	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	Kiến trúc công trình		
5	6	305	Học bù	7253201B11	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	6	306	Cơ sở dữ liệu	7253402B03	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
5	6	403	Quản trị thương mại điện t	522108A+B	.	ThS	Phạm Kiên Trung	0973700428	CN số và Truyền thông		
5	6	405	Biên tập audio và video	524107G	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông		
5	6	501	Trí tuệ nhân tạo	523100A	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
5	6	502	Cơ sở dữ liệu	524107A	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
5	6	504	Marketing XD	523116	.	PGS	Đinh Đăng Quang	0969157428	Kiến trúc		
5	6	505	Cơ sở dữ liệu	7254801B02	.	ThS	Mai Thị Thuý Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		
5	6	507	TK giao diện Website	524100A	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
5	6	602V	Đồ án QH1	523110	.	ThS	Lê Quang Dũng	0961355999	Kiến trúc		
5	6	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B01	1	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
5	6	B03	Tiếng Anh GE4	524108C	1	ThS	Kiều Tiến Đại - Phạm Th	0986720468 - 09	CN số và Truyền thông		
5	6	B05	Tiếng Anh GE4	524108C	2	ThS	Kiều Tiến Đại - Phạm Th	0986720468 - 09	CN số và Truyền thông		
5	6	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B01	2	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
5	6	B08	Tiếng Nhật 2	7254801B11	.		Nix		CN số và Truyền thông		
5	6	pm201	Tin học UD trong kết cấu	523111	.	ThS	Nguyễn Thế Minh	0978871686	Kiến trúc		
5	7	101	Logistic căn bản	523108C	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
5	7	103	Khai phá dữ liệu	523100D	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	CN số và Truyền thông		
5	7	203	Điều khiển logic	523121B	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
5	7	204	Kinh tế chính trị	7255101A01	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0902197191	Công nghệ Kỹ thuật		
5	7	206	Nguyên lý và dụng cụ cắt	523122	.	TS	Trần Quý Cao	0961004774	Công nghệ Kỹ thuật		
5	7	207	Toán A2	7255102B01	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Công nghệ Kỹ thuật		
5	7	303	Tiếng Anh GE2	7255801B11	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	Kiến trúc công trình		
5	7	305	Học bù	7253201B11	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	7	306	Cơ sở dữ liệu	7253402B03	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
5	7	403	Quản trị thương mại điện t	522108A+B	.	ThS	Phạm Kiên Trung	0973700428	CN số và Truyền thông		
5	7	405	Biên tập audio và video	524107G	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông		
5	7	501	Trí tuệ nhân tạo	523100A	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
5	7	502	Cơ sở dữ liệu	524107A	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
5	7	504	Marketing XD	523116	.	PGS	Đinh Đăng Quang	0969157428	Kiến trúc		
5	7	505	Cơ sở dữ liệu	7254801B02	.	ThS	Mai Thị Thuý Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		
5	7	507	TK giao diện Website	524100A	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
5	7	602V	Đồ án QH1	523110	.	ThS	Lê Quang Dũng	0961355999	Kiến trúc		
5	7	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B01	1	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
5	7	B03	Tiếng Anh GE4	524108C	1	ThS	Kiều Tiến Đại - Phạm Th	0986720468 - 09	CN số và Truyền thông		
5	7	B05	Tiếng Anh GE4	524108C	2	ThS	Kiều Tiến Đại - Phạm Th	0986720468 - 09	CN số và Truyền thông		
5	7	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B01	2	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
5	7	B08	Tiếng Nhật 2	7254801B11	.		Nix		CN số và Truyền thông		
5	7	pm201	Tin học UD trong kết cấu	523111	.	ThS	Nguyễn Thế Minh	0978871686	Kiến trúc		
5	8	101	Phân tích DL trong kinh d	523108D	.	TS	Lê Đình Chiếu	0383036606	CN số và Truyền thông		
5	8	203	Điều khiển logic	523121B	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
5	8	204	Toán A2	7255101A01	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Công nghệ Kỹ thuật		
5	8	206	Thiết kế và khai thác máy	523122	.	TS	Nguyễn Ngọc Thành	0913271824	Công nghệ Kỹ thuật		
5	8	207	Kinh tế chính trị	7255102B01	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0902197191	Công nghệ Kỹ thuật		
5	8	303	Tiếng Anh GE2	7255801B01	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	Kiến trúc công trình		
5	8	305	Học bù	7253201B11	.		.	.	CN số và Truyền thông		
5	8	306	Cơ sở dữ liệu	7253402B03	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
5	8	403	Quản trị thương mại điện t	522108A+B	.	ThS	Phạm Kiên Trung	0973700428	CN số và Truyền thông		
5	8	404	Ứng dụng đa PT trong kin	524108C	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
5	8	406	Biên tập audio và video	524107C	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông		
5	8	501	Quản lý dự án phần mềm	523100A	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
5	8	502	Cơ sở dữ liệu	524107A	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
5	8	504	Phân tích hoạt động KTX	523116	.	PGS	Đinh Đăng Quang	0969157428	Kiến trúc		
5	8	505	Cơ sở dữ liệu	7254801B02	.	ThS	Mai Thị Thuý Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		
5	8	507	TK giao diện Website	524100A	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
5	8	602V	Đồ án QH1	523110	.	ThS	Lê Quang Dũng	0961355999	Kiến trúc		
5	8	B01	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	502B01+725580	.	ThS	Nguyễn Nhật Trường	0368113151	Kiến trúc công trình		
5	8	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B02	1	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
5	8	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B02	2	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
5	8	B08	Tiếng Nhật 2	7254801B11	.		Nix		CN số và Truyền thông		
5	8	G1	Vẽ mỹ thuật 2	7255801B11	.	ThS	Lưu Thanh Lan	0913021575	Kiến trúc công trình		
5	8	pm201	Tin học UD trong kết cấu	523111	.	ThS	Nguyễn Thế Minh	0978871686	Kiến trúc		
5	9	101	Phân tích DL trong kinh d	523108D	.	TS	Lê Đình Chiếu	0383036606	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
5	9	203	Điều khiển logic	523121B	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
5	9	204	Toán A2	7255101A01	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Công nghệ Kỹ thuật		
5	9	206	Thiết kế và khai thác máy	523122	.	TS	Nguyễn Ngọc Thành	0913271824	Công nghệ Kỹ thuật		
5	9	207	Kinh tế chính trị	7255102B01	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0902197191	Công nghệ Kỹ thuật		
5	9	303	Tiếng Anh GE2	7255801B01	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	Kiến trúc công trình		
5	9	403	Quản trị thương mại điện t	522108A+B	.	ThS	Phạm Kiên Trung	0973700428	CN số và Truyền thông		
5	9	404	Ứng dụng đa PT trong kin	524108C	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
5	9	406	Biên tập audio và video	524107C	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông		
5	9	501	Quản lý dự án phần mềm	523100A	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	CN số và Truyền thông		
5	9	504	Phân tích hoạt động KTX	523116	.	PGS	Đinh Đăng Quang	0969157428	Kiến trúc		
5	9	506	Tiếng Anh GE4	524100B	.	ThS	Phạm Thị Làn	0986969270	CN số và Truyền thông		
5	9	507	Tiếng Anh GE4	524100A	.	ThS	Kiều Tiến Đại	0986720468	CN số và Truyền thông		
5	9	602V	Đồ án QH1	523110	.	ThS	Lê Quang Dũng	0961355999	Kiến trúc		
5	9	B01	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	802B01+725580	.	ThS	Nguyễn Nhật Trường	0368113151	Kiến trúc công trình		
5	9	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B02	1	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
5	9	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B02	2	ThS	Nguyễn Thị Hạnh+Nguy	0988622766+038	CN số và Truyền thông		
5	9	G1	Vẽ mỹ thuật 2	7255801B11	.	ThS	Lưu Thanh Lan	0913021575	Kiến trúc công trình		
5	9	pm201	Tin học UD trong kết cấu	523111	.	ThS	Nguyễn Thế Minh	0978871686	Kiến trúc		
5	10	101	Phân tích DL trong kinh d	523108D	.	TS	Lê Đình Chiều	0383036606	CN số và Truyền thông		
5	10	206	Thiết kế và khai thác máy	523122	.	TS	Nguyễn Ngọc Thành	0913271824	Công nghệ Kỹ thuật		
5	10	506	Tiếng Anh GE4	524100B	.	ThS	Phạm Thị Làn	0986969270	CN số và Truyền thông		
5	10	507	Tiếng Anh GE4	524100A	.	ThS	Kiều Tiến Đại	0986720468	CN số và Truyền thông		
5	10	B01	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	802B01+725580	.	ThS	Nguyễn Nhật Trường	0368113151	Kiến trúc công trình		
5	10	G1	Vẽ mỹ thuật 2	7255801B11	.	ThS	Lưu Thanh Lan	0913021575	Kiến trúc công trình		
6	1	101	Mạng máy tính	7253402B02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	CN số và Truyền thông		
6	1	405	Marketing nội dung	523107A	.	ThS	Nguyễn Thị Phương Anh	0914382249	CN số và Truyền thông		
6	1	406	Toán cao cấp	7253402B01	.	PGS.TS	Ninh Quang Hải	0912379475	CN số và Truyền thông		
6	1	506	LT cho thiết bị di động	523100B	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
6	1	507	Hệ thống nhúng	523100C	.	TS	Nguyễn Đức Thủy	0912464048	CN số và Truyền thông		

Số trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
6	1	602V	Workshop 1	522110	.	ThS	Hồ Hải NamĐinh Côn	0936345509	Kiến trúc		
6	1	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B05	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
6	1	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B05	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
6	2	101	Mang máy tính	7253402B02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	CN số và Truyền thông		
6	2	203	FMS & CIM	522121	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật		
6	2	204	Khí cụ điện	524121A	.	TS	Triệu Việt Linh	0904449440	Công nghệ Kỹ thuật		
6	2	206	Nguyên lý máy	524122	.	TS	Trần Quý Cao	0961004774	Công nghệ Kỹ thuật		
6	2	207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524121B	.	TS	Nguyễn Thuý Thanh	0983970376	Công nghệ Kỹ thuật		
6	2	304	Địa chất và nền móng côn	524116	.	ThS	Nguyễn Ngọc Long	0983925682	Kiến trúc		
6	2	305	TTHCM	524110	.	ThS	Bùi Bích Thuận	0912938748	Kiến trúc		
6	2	403	ĐA cấu tạo kiến trúc	524111	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
6	2	404	Kinh tế chính trị	7253201B11	.	TS	Tạ Thị Đoàn	0945816969	CN số và Truyền thông		
6	2	405	Marketing nội dung	523107A	.	ThS	Nguyễn Thị Phương Anh	0914382249	CN số và Truyền thông		
6	2	406	Toán cao cấp	7253402B01	.	PGS.TS	Ninh Quang Hải	0912379475	CN số và Truyền thông		
6	2	502	Đồ họa Web và đa phươn	523108A	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
6	2	503	Hệ quản trị CSDL SQL	524108A	.	ThS	Trần Thị Lựa A	0912767704	CN số và Truyền thông		
6	2	505	Thuế đối với doanh nghiệ	522116	.	PGS	Đinh Đăng Quang	0969157428	Kiến trúc		
6	2	506	LT cho thiết bị di động	523100B	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
6	2	507	Hệ thống nhúng	523100C	.	TS	Nguyễn Đức Thủy	0912464048	CN số và Truyền thông		
6	2	602V	Workshop 1	522110	.	ThS	Hồ Hải NamĐinh Côn	0936345509	Kiến trúc		
6	2	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B05	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
6	2	B03	Tiếng Anh GE4	524108B	1	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
6	2	B05	Tiếng Anh GE4	524108B	2	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
6	2	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B05	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
6	3	101	Cơ sở dữ liệu	7253402B02	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
6	3	103	Tiếng Nhật 4	524100VN	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
6	3	203	FMS & CIM	522121	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật		
6	3	204	Khí cụ điện	524121A	.	TS	Triệu Việt Linh	0904449440	Công nghệ Kỹ thuật		
6	3	206	Nguyên lý máy	524122	.	TS	Trần Quý Cao	0961004774	Công nghệ Kỹ thuật		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
6	3	207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524121B	.	TS	Nguyễn Thuý Thanh	0983970376	Công nghệ Kỹ thuật		
6	3	304	Địa chất và nền móng côn	524116	.	ThS	Nguyễn Ngọc Long	0983925682	Kiến trúc		
6	3	305	TTHCM	524110	.	ThS	Bùi Bích Thuận	0912938748	Kiến trúc		
6	3	403	ĐA cấu tạo kiến trúc	524111	.	ThS	Bùi Thị Trà Giang	0985698289	Kiến trúc		
6	3	404	Kinh tế chính trị	7253201B11	.	TS	Tạ Thị Đoàn	0945816969	CN số và Truyền thông		
6	3	405	Marketing nội dung	523107A	.	ThS	Nguyễn Thị Phương Anh	0914382249	CN số và Truyền thông		
6	3	406	Toán cao cấp	7253402B01	.	PGS.TS	Ninh Quang Hải	0912379475	CN số và Truyền thông		
6	3	502	Đồ họa Web và đa phươn	523108A	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
6	3	503	Hệ quản trị CSDL SQL	524108A	.	ThS	Trần Thị Lua A	0912767704	CN số và Truyền thông		
6	3	504	Định mức và dự toán XD	522111	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
6	3	505	Thuế đối với doanh nghiệ	522116	.	PGS	Đinh Đăng Quang	0969157428	Kiến trúc		
6	3	506	Hệ thống nhúng	523100B	.	TS	Nguyễn Đức Thủy	0912464048	CN số và Truyền thông		
6	3	507	LT cho thiết bị di động	523100C	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
6	3	B01	Phát triển phần mềm ứng	522108A+B	.	ThS	Mai Thị Thuý Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		
6	3	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B06	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
6	3	B03	Tiếng Anh GE4	524108B	1	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
6	3	B05	Tiếng Anh GE4	524108B	2	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
6	3	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B06	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
6	4	101	Cơ sở dữ liệu	7253402B02	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
6	4	103	Tiếng Nhật 4	524100VN	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
6	4	203	Kỹ thuật siêu âm và laser	522121	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật		
6	4	204	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524121A	.	TS	Nguyễn Thuý Thanh	0983970376	Công nghệ Kỹ thuật		
6	4	207	Khí cụ điện	524121B	.	TS	Triệu Việt Linh	0904449440	Công nghệ Kỹ thuật		
6	4	305	TTHCM	524111+116	.	ThS	Bùi Bích Thuận	0912938748	Kiến trúc		
6	4	306	Tâm lý học truyền thông	7253201B05	.	ThS	Dương Thị Thúy Hà	0988272778	CN số và Truyền thông		
6	4	403	Kinh tế chính trị	7253201B21	.	TS	Tạ Thị Đoàn	0945816969	CN số và Truyền thông		
6	4	404	Toán cao cấp A2	7253201B11	.	ThS	Đặng Thanh Hưng	0967066484	CN số và Truyền thông		
6	4	405	Marketing nội dung	523107A	.	ThS	Nguyễn Thị Phương Anh	0914382249	CN số và Truyền thông		
6	4	406	Mang máy tính	7253402B01	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
6	4	501	Đồ họa Web và đa phươn	523108B	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
6	4	502	Hệ thống thông tin quản l	523108A	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		
6	4	503	Hệ quản trị CSDL SQL	524108B	.	ThS	Trần Thị Lua A	0912767704	CN số và Truyền thông		
6	4	504	Định mức và dự toán XD	522111	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
6	4	505	Thuế đối với doanh nghiệ	522116	.	PGS	Đinh Đăng Quang	0969157428	Kiến trúc		
6	4	506	Hệ thống nhúng	523100B	.	TS	Nguyễn Đức Thủy	0912464048	CN số và Truyền thông		
6	4	507	LT cho thiết bị di động	523100C	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
6	4	B01	Phát triển phần mềm ứng	522108A+B	.	ThS	Mai Thị Thuý Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		
6	4	B02	Tiếng Anh GE2	7253201B06	1	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
6	4	B03	Tiếng Anh GE4	524108A	1	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
6	4	B05	Tiếng Anh GE4	524108A	2	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
6	4	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B06	2	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến+ N	0941190381+091	CN số và Truyền thông		
6	5	101	Cơ sở dữ liệu	7253402B02	.	ThS	Đỗ Thanh Bình	0912326732	CN số và Truyền thông		
6	5	103	Tiếng Nhật 4	524100VN	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
6	5	203	Kỹ thuật siêu âm và laser	522121	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật		
6	5	204	Tư tưởng Hồ Chí Minh	524121A	.	TS	Nguyễn Thuý Thanh	0983970376	Công nghệ Kỹ thuật		
6	5	207	Khí cụ điện	524121B	.	TS	Triệu Việt Linh	0904449440	Công nghệ Kỹ thuật		
6	5	305	TTHCM	524111+116	.	ThS	Bùi Bích Thuận	0912938748	Kiến trúc		
6	5	306	Tâm lý học truyền thông	7253201B05	.	ThS	Dương Thị Thúy Hà	0988272778	CN số và Truyền thông		
6	5	403	Kinh tế chính trị	7253201B21	.	TS	Tạ Thị Đoàn	0945816969	CN số và Truyền thông		
6	5	404	Toán cao cấp A2	7253201B11	.	ThS	Đặng Thanh Hưng	0967066484	CN số và Truyền thông		
6	5	406	Mạng máy tính	7253402B01	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	CN số và Truyền thông		
6	5	501	Đồ họa Web và đa phươn	523108B	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	CN số và Truyền thông		
6	5	502	Hệ thống thông tin quản l	523108A	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		
6	5	503	Hệ quản trị CSDL SQL	524108B	.	ThS	Trần Thị Lua A	0912767704	CN số và Truyền thông		
6	5	504	Định mức và dự toán XD	522111	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
6	5	505	Thuế đối với doanh nghiệ	522116	.	PGS	Đinh Đăng Quang	0969157428	Kiến trúc		
6	5	507	LT cho thiết bị di động	523100C	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
6	5	B01	Phát triển phần mềm ứng	522108A+B	.	ThS	Mai Thị Thuý Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
6	5	B03	Tiếng Anh GE4	524108A	1	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
6	5	B05	Tiếng Anh GE4	524108A	2	ThS	Nguyễn Thị Ngân Hà - Đ	0904566528 - 09	CN số và Truyền thông		
6	6	101	Hệ thống thông tin quản l	523108C	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		
6	6	103	Tiếng Nhật 6	523100D	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
6	6	204	Vẽ kỹ thuật 2	7255101A01	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật		
6	6	207	Tiếng Anh GE2	7255102B01	1	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
6	6	303	Hình họa và vẽ kỹ thuật B	501B01+725580	.	ThS	Nguyễn Thị Chung Hiếu	0985518678	Kiến trúc công trình		
6	6	304	Tin học ứng dụng	7253402B11	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0984474688	CN số và Truyền thông		
6	6	305	Địa chất công trình	7255802B01	.	TS	Nguyễn Thị Ngọc Hươn	0387974738	Kiến trúc công trình		
6	6	403	Toán cao cấp A2	7254801B02	.	ThS	Đặng Thanh Hưng	0967066484	CN số và Truyền thông		
6	6	404	Chiến lược Marketing	522107C	.	TS	Lê Đình Chiều	0383036606	CN số và Truyền thông		
6	6	405	TK dữ liệu đa phương tiện	523107B	.	ThS	Nguyễn Thanh Sơn	0988458484	CN số và Truyền thông		
6	6	406	Mang máy tính	7253402B03	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	CN số và Truyền thông		
6	6	501	Hệ thống nhúng	523100A	.	TS	Nguyễn Đức Thùy	0912464048	CN số và Truyền thông		
6	6	502	Cơ sở dữ liệu	524107B	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
6	6	503	Tâm lý học truyền thông	7253201B01	.	TS	Dương Thị Thúy Hà	0988272778	CN số và Truyền thông		
6	6	504	Kết cấu BTCT2	523111	.	ThS	Nguyễn Duy Chính	0913559980	Kiến trúc		
6	6	505	Cơ sở kỹ thuật lập trình	7254801B01	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
6	6	506	LT hướng đối tượng	524100B	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
6	6	B01	Kinh tế học	7255803B01	.	ThS	Thiều Thị Thanh Thúy	0988688631	Kiến trúc công trình		
6	6	B02	Tiếng Anh GE2	7255102B01	2	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
6	6	B03	Tiếng Anh GE4	524107G	1	ThS	Trần Thị Thu Hường - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
6	6	B05	Tiếng Anh GE4	524107G	2	ThS	Trần Thị Thu Hường - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
6	6	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B11	.	ThS	Bạch Thị Hoàng Yển	0941190381	CN số và Truyền thông		
6	6	B07	Định mức kỹ thuật XD	523116	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
6	6	HTL1	Học bù	524107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		
6	6	pm201	Tin ứng dụng	7253201B06	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0984474688	CN số và Truyền thông		
6	6	pm301	Tin ứng dụng	7253201B05	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
6	6	pm302	Mô hình hóa	523122	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
6	7	101	Hệ thống thông tin quản l	523108C	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		
6	7	103	Tiếng Nhật 6	523100D	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
6	7	204	Vẽ kỹ thuật 2	7255101A01	.	ThS	Trần Nhật Trường	0987539711	Công nghệ Kỹ thuật		
6	7	207	Tiếng Anh GE2	7255102B01	1	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
6	7	303	Hình họa và vẽ kỹ thuật B	801B01+725580	.	ThS	Nguyễn Thị Chung Hiếu	0985518678	Kiến trúc công trình		
6	7	304	Tin học ứng dụng	7253402B11	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0984474688	CN số và Truyền thông		
6	7	305	Địa chất công trình	7255802B01	.	TS	Nguyễn Thị Ngọc Hươn	0387974738	Kiến trúc công trình		
6	7	403	Toán cao cấp A2	7254801B02	.	ThS	Đặng Thanh Hưng	0967066484	CN số và Truyền thông		
6	7	404	Chiến lược Marketing	522107C	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
6	7	405	TK dữ liệu đa phương tiện	523107B	.	ThS	Nguyễn Thanh Sơn	0988458484	CN số và Truyền thông		
6	7	406	Mang máy tính	7253402B03	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	CN số và Truyền thông		
6	7	501	Hệ thống nhúng	523100A	.	TS	Nguyễn Đức Thủy	0912464048	CN số và Truyền thông		
6	7	502	Cơ sở dữ liệu	524107B	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
6	7	503	Tâm lý học truyền thông	7253201B01	.	TS	Dương Thị Thúy Hà	0988272778	CN số và Truyền thông		
6	7	504	Kết cấu BTCT2	523111	.	ThS	Nguyễn Duy Chính	0913559980	Kiến trúc		
6	7	505	Cơ sở kỹ thuật lập trình	7254801B01	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
6	7	506	LT hướng đối tượng	524100B	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
6	7	507	Hệ quản trị CSDL SQL	524100A	.	ThS	Trần Thị Lựa A	0912767704	CN số và Truyền thông		
6	7	B01	Kinh tế học	7255803B01	.	ThS	Thiều Thị Thanh Thúy	0988688631	Kiến trúc công trình		
6	7	B02	Tiếng Anh GE2	7255102B01	2	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
6	7	B03	Tiếng Anh GE4	524107G	1	ThS	Trần Thị Thu Hường - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
6	7	B05	Tiếng Anh GE4	524107G	2	ThS	Trần Thị Thu Hường - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
6	7	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B11	.	ThS	Bạch Thị Hoàng Yến	0941190381	CN số và Truyền thông		
6	7	B07	Định mức kỹ thuật XD	523116	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
6	7	HTL1	Học bù	524107C	.		.	.	CN số và Truyền thông		
6	7	pm201	Tin ứng dụng	7253201B06	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0984474688	CN số và Truyền thông		
6	7	pm301	Tin ứng dụng	7253201B05	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
6	7	pm302	Mô hình hóa	523122	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
6	8	101	Hệ thống thông tin quản l	523108C	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
6	8	103	Tiếng Nhật 6	523100D	.	ThS	NIX		CN số và Truyền thông		
6	8	203	Truyền động điện	523121B	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
6	8	204	Tiếng Anh GE2	7255101A01	1	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
6	8	206	Trang bị điện ĐC	523122	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
6	8	207	Tin đại cương	7255102B01	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0945763363	Công nghệ Kỹ thuật		
6	8	303	Hình họa và vẽ kỹ thuật B	801B01+725580	.	ThS	Nguyễn Thị Chung Hiếu	0985518678	Kiến trúc công trình		
6	8	305	Địa chất công trình	7255802B01	.	TS	Nguyễn Thị Ngọc Hươn	0387974738	Kiến trúc công trình		
6	8	403	Cơ sở kỹ thuật lập trình	7254801B02	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
6	8	404	Chiến lược Marketing	522107C	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
6	8	405	TK dữ liệu đa phương tiện	523107B	.	ThS	Nguyễn Thanh Sơn	0988458484	CN số và Truyền thông		
6	8	406	Toán cao cấp	7253402B03	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	CN số và Truyền thông		
6	8	501	LT cho thiết bị di động	523100A	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
6	8	502	Cơ sở dữ liệu	524107B	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
6	8	503	Tâm lý học truyền thông	7253201B02	.	ThS	Dương Thị Thúy Hà	0988272778	CN số và Truyền thông		
6	8	504	ĐA KCBTCT2	523111	.	ThS	Nguyễn Duy Chính	0913559980	Kiến trúc		
6	8	505	Cơ sở dữ liệu	7254801B01	.	ThS	Mai Thị Thủy Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		
6	8	506	LT hướng đối tượng	524100B	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
6	8	507	Hệ quản trị CSDL SQL	524100A	.	ThS	Trần Thị Lựa A	0912767704	CN số và Truyền thông		
6	8	B01	Kinh tế học	7255803B01	.	ThS	Thiều Thị Thanh Thúy	0988688631	Kiến trúc công trình		
6	8	B02	Tiếng Anh GE2	7255101A01	2	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
6	8	B03	Tiếng Anh GE4	524107C	1	ThS	Trần Thị Thu Hương - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
6	8	B05	Tiếng Anh GE4	524107C	2	ThS	Trần Thị Thu Hương - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
6	8	B06	Tiếng Nhật 2	7254801B11	.		Nix		CN số và Truyền thông		
6	8	B07	Định mức kỹ thuật XD	523116	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
6	8	pm201	Tin ứng dụng	7253201B06	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0984474688	CN số và Truyền thông		
6	8	pm301	Tin ứng dụng	7253201B05	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
6	9	101	Cơ sở dữ liệu	524107G	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
6	9	203	Truyền động điện	523121B	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
6	9	204	Tiếng Anh GE2	7255101A01	1	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		

Sổ trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
6	9	206	Trang bị điện ĐC	523122	.	ThS	Nguyễn Nhật Thanh	0989833308	Công nghệ Kỹ thuật		
6	9	207	Tin đại cương	7255102B01	.	ThS	Lê Thị Minh Thủy	0945763363	Công nghệ Kỹ thuật		
6	9	303	Hình họa và vẽ kỹ thuật B	301B01+725580	.	ThS	Nguyễn Thị Chung Hiếu	0985518678	Kiến trúc công trình		
6	9	305	Tiếng Anh GE2	302B01+725580	.	ThS	Vũ Thanh Vân	0912158390	Kiến trúc công trình		
6	9	306	Hệ thống thông tin quản l	523108D	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		
6	9	403	Cơ sở kỹ thuật lập trình	7254801B02	.	ThS	Vũ Thị Thương	0936433678	CN số và Truyền thông		
6	9	405	TK dữ liệu đa phương tiện	523107C	.	ThS	Nguyễn Thanh Sơn	0988458484	CN số và Truyền thông		
6	9	406	Toán cao cấp	7253402B03	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	CN số và Truyền thông		
6	9	501	LT cho thiết bị di động	523100A	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		
6	9	503	Tâm lý học truyền thông	7253201B02	.	ThS	Dương Thị Thúy Hà	0988272778	CN số và Truyền thông		
6	9	504	ĐA KCBTCT2	523111	.	ThS	Nguyễn Duy Chính	0913559980	Kiến trúc		
6	9	505	Cơ sở dữ liệu	7254801B01	.	ThS	Mai Thị Thúy Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		
6	9	506	Hệ quản trị CSDL SQL	524100B	.	ThS	Trần Thị Lựa A	0912767704	CN số và Truyền thông		
6	9	507	LT hướng đối tượng	524100A	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
6	9	B02	Tiếng Anh GE2	7255101A01	2	ThS	Đỗ Thuận Giang+Nguyễn	0945557290+09	Công nghệ Kỹ thuật		
6	9	B03	Tiếng Anh GE4	524107C	1	ThS	Trần Thị Thu Hương - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
6	9	B05	Tiếng Anh GE4	524107C	2	ThS	Trần Thị Thu Hương - N	0984678229 - 09	CN số và Truyền thông		
6	9	B06	Tiếng Nhật 2	7254801B11	.		Nix		CN số và Truyền thông		
6	9	B07	ĐA định mức kỹ thuật XD	523116	2	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
6	9	pm201	Tin ứng dụng	7253201B06	.	ThS	Lê Thị Minh Thủy	0984474688	CN số và Truyền thông		
6	9	pm301	Tin ứng dụng	7253201B05	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
6	10	101	Cơ sở dữ liệu	524107G	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
6	10	203	Truyền động điện	523121B	.	ThS	Lại Bạch Thị Thu Hà	0982750677	Công nghệ Kỹ thuật		
6	10	207	Tin đại cương	7255102B01	.	ThS	Lê Thị Minh Thủy	0945763363	Công nghệ Kỹ thuật		
6	10	305	Tiếng Anh GE2	302B01+725580	.	ThS	Vũ Thanh Vân	0912158390	Kiến trúc công trình		
6	10	306	Hệ thống thông tin quản l	523108D	.	ThS	Trần Thị Thúy	0934616210	CN số và Truyền thông		
6	10	405	TK dữ liệu đa phương tiện	523107C	.	ThS	Nguyễn Thanh Sơn	0988458484	CN số và Truyền thông		
6	10	406	Toán cao cấp	7253402B03	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	CN số và Truyền thông		
6	10	501	LT cho thiết bị di động	523100A	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày: 02/02/2026 Đến 08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. **- Cán bộ:** -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
6	10	505	Cơ sở dữ liệu	7254801B01	.	ThS	Mai Thị Thuý Hà	0984312288	CN số và Truyền thông		
6	10	506	Hệ quản trị CSDL SQL	524100B	.	ThS	Trần Thị Lụa A	0912767704	CN số và Truyền thông		
6	10	507	LT hướng đối tượng	524100A	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
6	10	B06	Tiếng Nhật 2	7254801B11	.		Nix		CN số và Truyền thông		
6	10	B07	ĐA định mức kỹ thuật XD	523116	2	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
6	10	pm201	Tin ứng dụng	7253201B06	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0984474688	CN số và Truyền thông		
6	10	pm301	Tin ứng dụng	7253201B05	.	ThS	Trần Thị Đồng	0979358089	CN số và Truyền thông		
7	1	103	Phân tích và TK hệ thống	524100VN	.	ThS	Bùi Duy Tân	0867838568	CN số và Truyền thông		
7	1	404	Kinh tế vi mô	7253201B11	.	TS	Hoàng Thanh Tuyền	0906523919	CN số và Truyền thông		
7	1	B05	Tiếng Anh GE2	7253201B03	1	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
7	1	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B03	2	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
7	1	pm302	LT cho thiết bị di động	523100B	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
7	2	103	Phân tích và TK hệ thống	524100VN	.	ThS	Bùi Duy Tân	0867838568	CN số và Truyền thông		
7	2	203	LT ĐK mờ và mạng Nơ-r	522121	.	ThS	Ngô Trường Minh	0984185059	Công nghệ Kỹ thuật		
7	2	306	Dựng hình 3D căn bản	524107E	.	ThS	Vũ Mạnh Thắng	0912375147	CN số và Truyền thông		
7	2	404	Kinh tế vi mô	7253201B11	.	TS	Hoàng Thanh Tuyền	0906523919	CN số và Truyền thông		
7	2	405	Biên tập audio và video	524107D	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông		
7	2	406	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B05	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
7	2	501	Logistic căn bản	523108B	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
7	2	502	Pháp luật TM điện tử	523108A	.	TS	Phí Mạnh Cường	0916178777	CN số và Truyền thông		
7	2	503	Mỹ học đại cương	7253201B06	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
7	2	505	Tin học ứng dụng	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
7	2	507	Lịch sử Đảng	523100B	.	ThS	Vũ Thị Thu Hà	0978742945	CN số và Truyền thông		
7	2	B01	Kiến trúc bền vững	522110	.	TS	Nguyễn Vinh Quang	0903255722	Kiến trúc		
7	2	B05	Tiếng Anh GE2	7253201B03	1	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
7	2	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B03	2	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
7	2	pm302	LT cho thiết bị di động	523100B	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
7	3	101	Tiếng Anh CN TTĐPT	523107A	.	ThS	Lê Thị Kiều Oanh	0912267597	CN số và Truyền thông		
7	3	103	Project 2	524100VN	.	ThS	Bùi Duy Tân	0867838568	CN số và Truyền thông		

Sổ trực giáo vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày: 02/02/2026 Đến 08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. **- Cán bộ:** -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
7	3	203	LT ĐK mờ và mạng Nơ-r	522121	.	ThS	Ngô Trường Minh	0984185059	Công nghệ Kỹ thuật		
7	3	306	Dựng hình 3D căn bản	524107E	.	ThS	Vũ Mạnh Thắng	0912375147	CN số và Truyền thông		
7	3	403	Nghệ thuật nói trước công	7253201B21	.	ThS	Nguyễn Quý An	0396206749	CN số và Truyền thông		
7	3	404	Kinh tế vi mô	7253201B11	.	TS	Hoàng Thanh Tuyền	0906523919	CN số và Truyền thông		
7	3	405	Biên tập audio và video	524107D	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông		
7	3	406	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B05	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
7	3	501	Logistic căn bản	523108B	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
7	3	502	Pháp luật TM điện tử	523108A	.	TS	Phí Mạnh Cường	0916178777	CN số và Truyền thông		
7	3	503	Mỹ học đại cương	7253201B06	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
7	3	505	Tin học ứng dụng	522116	.	ThS	Vũ Thị Kiều Bắc	0969157428	Kiến trúc		
7	3	507	Lịch sử Đảng	523100B	.	ThS	Vũ Thị Thu Hà	0978742945	CN số và Truyền thông		
7	3	B01	Kiến trúc bền vững	522110	.	TS	Nguyễn Vinh Quang	0903255722	Kiến trúc		
7	3	B02	Toán rời rạc và Đại số Bo	523100D	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		
7	3	B05	Tiếng Anh GE2	7253201B04	1	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
7	3	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B04	2	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
7	3	pm302	LT cho thiết bị di động	523100B	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
7	4	101	Tiếng Anh CN TTĐPT	523107A	.	ThS	Lê Thị Kiều Oanh	0912267597	CN số và Truyền thông		
7	4	103	Project 2	524100VN	.	ThS	Bùi Duy Tân	0867838568	CN số và Truyền thông		
7	4	203	Điều khiển quá trình	522121	.	ThS	Ngô Trường Minh	0984185059	Công nghệ Kỹ thuật		
7	4	306	Biên tập audio và video	524107E	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông		
7	4	403	Nghệ thuật nói trước công	7253201B21	.	ThS	Nguyễn Quý An	0396206749	CN số và Truyền thông		
7	4	405	Dựng hình 3D căn bản	524107D	.	ThS	Vũ Mạnh Thắng	0912375147	CN số và Truyền thông		
7	4	406	Mỹ học đại cương	7253201B05	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
7	4	501	Pháp luật TM điện tử	523108B	.	TS	Phí Mạnh Cường	0916178777	CN số và Truyền thông		
7	4	502	Logistic căn bản	523108A	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
7	4	503	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B06	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
7	4	507	Lịch sử Đảng	523100C	.	ThS	Vũ Thị Thu Hà	0978742945	CN số và Truyền thông		
7	4	B01	Kiến trúc bền vững	522110	.	TS	Nguyễn Vinh Quang	0903255722	Kiến trúc		
7	4	B02	Toán rời rạc và Đại số Bo	523100D	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		

Số trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giảng vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giảng vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Số số	Có mặt
7	4	B05	Tiếng Anh GE2	7253201B04	1	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
7	4	B06	Tiếng Anh GE2	7253201B04	2	ThS	Trần Thị Thanh Ngát+N	0976262402+091	CN số và Truyền thông		
7	4	pm302	LT cho thiết bị di động	523100C	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
7	5	101	Tiếng Anh CN TTĐPT	523107A	.	ThS	Lê Thị Kiều Oanh	0912267597	CN số và Truyền thông		
7	5	103	Project 2	524100VN	.	ThS	Bùi Duy Tân	0867838568	CN số và Truyền thông		
7	5	203	Điều khiển quá trình	522121	.	ThS	Ngô Trường Minh	0984185059	Công nghệ Kỹ thuật		
7	5	306	Biên tập audio và video	524107E	.	ThS	Lê Thị Thanh Hương	0986116228	CN số và Truyền thông		
7	5	403	Nghệ thuật nói trước công	7253201B21	.	ThS	Nguyễn Quý An	0396206749	CN số và Truyền thông		
7	5	405	Dựng hình 3D căn bản	524107D	.	ThS	Vũ Mạnh Thắng	0912375147	CN số và Truyền thông		
7	5	406	Mỹ học đại cương	7253201B05	.	TS	Đặng Hà Chi	0966724288	CN số và Truyền thông		
7	5	501	Pháp luật TM điện tử	523108B	.	TS	Phí Mạnh Cường	0916178777	CN số và Truyền thông		
7	5	502	Logistic căn bản	523108A	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
7	5	503	Kỹ thuật nhiếp ảnh	7253201B06	.	ThS	Vũ Minh Hoàng	0989656050	CN số và Truyền thông		
7	5	507	Lịch sử Đảng	523100C	.	ThS	Vũ Thị Thu Hà	0978742945	CN số và Truyền thông		
7	5	B01	Kiến trúc bền vững	522110	.	TS	Nguyễn Vinh Quang	0903255722	Kiến trúc		
7	5	B02	Toán rời rạc và Đại số Bo	523100D	.	TS	Nguyễn Thị Thu Huyền	0982792912	CN số và Truyền thông		
7	5	pm302	LT cho thiết bị di động	523100C	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
7	6	101	Pháp luật TM điện tử	523108C	.	TS	Phí Mạnh Cường	0916178777	CN số và Truyền thông		
7	6	403	Các HT thông tin thông m	522100A+B+C	.	ThS	Lê Hiền Mai	0981478277	CN số và Truyền thông		
7	6	405	PL và đạo đức truyền thôn	523107B	.	ThS	Nguyễn Quý An	0396206749	CN số và Truyền thông		
7	6	406	Tiếng Anh CN TTĐPT	523107C	.	ThS	Lê Thị Kiều Oanh	0912267597	CN số và Truyền thông		
7	6	501	Lịch sử Đảng	523100A	.	ThS	Vũ Thị Thu Hà	0978742945	CN số và Truyền thông		
7	6	503	Cơ sở dữ liệu	524107C	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
7	6	504	ĐA kinh tế đầu tư	523116	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
7	6	601V	Quản trị chuỗi cung ứng	523108D	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
7	6	B01	Vật liệu kiến trúc và Façade	523110	.	TS	Nguyễn Vinh Quang	0903255722	Kiến trúc		
7	6	B02	Tiếng Anh GE2	7254801B01	1	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
7	6	B03	Tiếng Anh GE2	7253402B03	1	ThS	Đào Tuyết Nga+Phạm T	0989582894+096	CN số và Truyền thông		
7	6	B05	Tiếng Anh GE2	7253402B03	2	ThS	Đào Tuyết Nga+Phạm T	0989582894+096	CN số và Truyền thông		

Số trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
7	6	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B01	2	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
7	6	B08	Thiết kế giao diện Websit	7254801B11	.	ThS	Trần Thị Lựa A	0912767704	CN số và Truyền thông		
7	6	G1	Vẽ mỹ thuật 2	7255801B01	.	ThS	Lưu Thanh Lan	0913021575	Kiến trúc công trình		
7	6	pm302	LT cho thiết bị di động	523100C	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
7	7	101	Pháp luật TM điện tử	523108C	.	TS	Phí Mạnh Cường	0916178777	CN số và Truyền thông		
7	7	306	Dựng hình 3D căn bản	524107G	.	ThS	Vũ Mạnh Thắng	0912375147	CN số và Truyền thông		
7	7	403	Các HT thông tin thông m	522100A+B+C	.	ThS	Lê Hiền Mai	0981478277	CN số và Truyền thông		
7	7	405	PL và đạo đức truyền thôn	523107B	.	ThS	Nguyễn Quý An	0396206749	CN số và Truyền thông		
7	7	406	Tiếng Anh CN TTĐPT	523107C	.	ThS	Lê Thị Kiều Oanh	0912267597	CN số và Truyền thông		
7	7	501	Lịch sử Đảng	523100A	.	ThS	Vũ Thị Thu Hà	0978742945	CN số và Truyền thông		
7	7	503	Cơ sở dữ liệu	524107C	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
7	7	504	ĐA kinh tế đầu tư	523116	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
7	7	601V	Quản trị chuỗi cung ứng	523108D	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
7	7	B01	Vật liệu kiến trúc và Façade	523110	.	TS	Nguyễn Vinh Quang	0903255722	Kiến trúc		
7	7	B02	Tiếng Anh GE2	7254801B01	1	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
7	7	B03	Tiếng Anh GE2	7253402B03	1	ThS	Đào Tuyết Nga+Phạm T	0989582894+096	CN số và Truyền thông		
7	7	B05	Tiếng Anh GE2	7253402B03	2	ThS	Đào Tuyết Nga+Phạm T	0989582894+096	CN số và Truyền thông		
7	7	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B01	2	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
7	7	B08	Thiết kế giao diện Websit	7254801B11	.	ThS	Trần Thị Lựa A	0912767704	CN số và Truyền thông		
7	7	G1	Vẽ mỹ thuật 2	7255801B01	.	ThS	Lưu Thanh Lan	0913021575	Kiến trúc công trình		
7	7	pm302	LT cho thiết bị di động	523100C	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
7	8	306	Dựng hình 3D căn bản	524107G	.	ThS	Vũ Mạnh Thắng	0912375147	CN số và Truyền thông		
7	8	403	Các HT thông tin thông m	522100A+B+C	.	ThS	Lê Hiền Mai	0981478277	CN số và Truyền thông		
7	8	404	Quản trị chuỗi cung ứng	522108A+B	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
7	8	405	Tiếng Anh CN TTĐPT	523107B	.	ThS	Lê Thị Kiều Oanh	0912267597	CN số và Truyền thông		
7	8	406	PL và đạo đức truyền thôn	523107C	.	ThS	Nguyễn Quý An	0396206749	CN số và Truyền thông		
7	8	503	Cơ sở dữ liệu	524107C	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
7	8	504	ĐA kinh tế đầu tư	523116	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
7	8	601V	CN mã nguồn mở	523108D	.	ThS	Nguyễn Thu Vân	0936738889	CN số và Truyền thông		

Số trực giảng vụ kỳ II, Năm học 2025-2026, Cơ sở Hưng Ký

Tuần thứ: 27 Thực hiện từ ngày:

02/02/2026 Đến

08/02/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.Vị	Giảng Viên	SĐT	Đơn vị	Sỹ số	Có mặt
7	8	B01	Vật liệu kiến trúc và Façade	523110	.	TS	Nguyễn Vinh Quang	0903255722	Kiến trúc		
7	8	B02	Tiếng Anh GE2	7254801B02	1	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
7	8	B03	Tiếng Anh GE2	7253402B11	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	CN số và Truyền thông		
7	8	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B02	2	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
7	8	B08	Thiết kế giao diện Websit	7254801B11	.	ThS	Trần Thị Lựa A	0912767704	CN số và Truyền thông		
7	8	G1	Vẽ mỹ thuật 2	7255801B01	.	ThS	Lưu Thanh Lan	0913021575	Kiến trúc công trình		
7	8	pm302	LT cho thiết bị di động	523100C	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
7	9	306	Cơ sở dữ liệu	524107G	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
7	9	404	Quản trị chuỗi cung ứng	522108A+B	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
7	9	405	Tiếng Anh CN TTĐPT	523107B	.	ThS	Lê Thị Kiều Oanh	0912267597	CN số và Truyền thông		
7	9	406	PL và đạo đức truyền thôn	523107C	.	ThS	Nguyễn Quý An	0396206749	CN số và Truyền thông		
7	9	503	Dựng hình 3D căn bản	524107C	.	ThS	Vũ Mạnh Thắng	0912375147	CN số và Truyền thông		
7	9	504	ĐA kinh tế đầu tư	523116	.	ThS	Lê Thị Phương Nga	0904178588	Kiến trúc		
7	9	601V	CN mã nguồn mở	523108D	.	ThS	Nguyễn Thu Vân	0936738889	CN số và Truyền thông		
7	9	B01	Vật liệu kiến trúc và Façade	523110	.	TS	Nguyễn Vinh Quang	0903255722	Kiến trúc		
7	9	B02	Tiếng Anh GE2	7254801B02	1	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
7	9	B03	Tiếng Anh GE2	7253402B11	.	ThS	Đào Tuyết Nga	0989582894	CN số và Truyền thông		
7	9	B06	Tiếng Anh GE2	7254801B02	2	ThS	Vũ Thanh Vân+Hoàng T	0912158390+094	CN số và Truyền thông		
7	9	pm302	LT cho thiết bị di động	523100B	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		
7	10	306	Cơ sở dữ liệu	524107G	.	ThS	Nguyễn Thị Mười Phươn	0983272886	CN số và Truyền thông		
7	10	404	Quản trị chuỗi cung ứng	522108A+B	.	TS	Lê Đình Chiêu	0383036606	CN số và Truyền thông		
7	10	405	Tiếng Anh CN TTĐPT	523107B	.	ThS	Lê Thị Kiều Oanh	0912267597	CN số và Truyền thông		
7	10	503	Dựng hình 3D căn bản	524107C	.	ThS	Vũ Mạnh Thắng	0912375147	CN số và Truyền thông		
7	10	pm302	LT cho thiết bị di động	523100B	.	ThS	Trần Bá Hùng	0977422419	CN số và Truyền thông		